**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Tuần 2: Từ ngày 16/9/2024 đến ngày 20/9/2024**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ** | **Ngày** | **Môn** | | **Tiết** | **Tên bài dạy** | |
| **Hai** | **Sáng**  **16/9** | Toán | 4 | | Các số 4, 5, 6 |
| Mĩ thuật | 2 | | Bài 1. Môn mĩ thuật của em (Tiết 2) |
| Tiếng Việt | 13 | | Bài 4. O, Ô (Tiết 1) |
| Tiếng Việt | 14 | | Bài 4. O, Ô (Tiết 2) |
| **Chiều** | Đạo đức | 2 | | Bài 1. Em với nội quy trường lớp (Tiế 2) |
| TNXH | 3 | | Gia đình em (Tiết 3) |
| HĐTN | 4 | | Sinh hoạt dưới cờ: Xây dựng đôi bạn cùng tiến |
| **Ba** | **Sáng**  **17/9** | Tiếng Việt | | 15 | Bài 5. CỎ, CỌ (Tiết 1) | |
| Tiếng Việt | | 16 | Bài 5. CỎ, CỌ (Tiết 2) | |
| Tiếng Việt | | 17 | Tập viết sau bài 4, 5 | |
| Toán | | 5 | Các số 7, 8, 9 | |
| **Tư** | **Sáng**  **18/9** | Tiếng Việt | | 18 | Bài 6. Ơ, d (Tiết 1) | |
| Tiếng Việt | | 19 | Bài 6. Ơ, d (Tiết 2) | |
| GDTC | | 3 | Ôn tư thế đứng nghiêm, đứng nghỉ, tập hợp hàng dọc, dóng hàng. Học dàn hàng, dồn hàng ngang. Trò chơi: “Thi xếp hàng” | |
| Âm nhạc | | 2 | Chủ đề: Tổ Quốc Việt Nam (Tiết 2) | |
| HĐTN | | 5 | HĐGDTCĐ: Làm quen với bạn mới | |
| **Năm** | **Sáng**  **19/9** | Tiếng Việt | | 20 | Bài 7: đ, e (Tiết 1) | |
| Tiếng Việt | | 21 | Bài 7: đ, e (Tiết 2) | |
| Tiếng Việt | | 22 | Tập Viết: Sau bài 6, 7 | |
| Toán | | 6 | Số 0 | |
| TNXH | | 4 | Ngôi nhà của em (Tiết 1) | |
| **Sáu** | **Sáng**  **20/9** | Tiếng Việt | | 22 | Bài 8 Kể chuyện Chồn con đi học | |
| Tiếng Việt | | 23 | Bài 9. Ôn tập | |
| GDTC | | 3 | Ôn tư thế đứng nghiêm, đứng nghỉ, tập hợp hàng dọc, hàng ngang, dóng hàng, dàn hàng, dồn hàng ngang. Trò chơi: “Ai giơ tay đúng” | |
| HĐTN | | 6 | Sinh hoạt lớp: Hát về tình bạn | |

**Toán – Lớp 1G**

**Tên bài học: Các số 4, 5, 6 – Tiết 4**

**Thời gian thực hiện: ngày 16 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 6. Thông qua đó, HS nhận biết được số lượng , hình thành biểu tượng về các số 4, 5, 6.

- Đọc, viết được các số 4, 5, 6.

- Lập được các nhóm đồ vật có số lượng 4, 5, 6.

**-** Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ. Thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

- Học sinh phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học thông qua hoạt động quan sát tranh, đếm số lượng, nêu số tương ứng….

- Học sinh phát triển năng lực giao tiếp toán học thông qua việc đếm, sử dụng các số để biểu thị số lượng, trao đổi với bạn về số lượng của sự vật trong tranh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: tranh tình huống; một số chấm tròn, hình vuông; các thẻ số từ 1 đến 6.

b. Học sinh: SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (5 phút)**  - GV cho HS quan sát tranh khởi động trang 10 SGK và làm việc nhóm đôi về số lượng các sự vật trong tranh  - GV theo dõi, giúp đỡ học sinh  - GV gọi một vài cặp lên chia sẻ trước lớp  - GV nhận xét  - GV giới thiệu bài mới  **2. Hoạt động hình thành kiến thức (10 phút)**  **Hoạt động 1. Hình thành các số 4, 5, 6**  **\* Quan sát**  - GV yêu cầu HS đếm số con vật và số chấm tròn ở dòng thứ nhất của khung kiến thức.  - Có mấy bông hoa? Mấy chấm tròn?  - Vậy ta có số mấy?  - GV giới thiệu số 4  - Có mấy con vịt? Mấy chấm tròn?  - Vậy ta có số mấy?  - GV giới thiệu số 5  - Có mấy quả táo? Mấy chấm tròn?  - Vậy ta có số mấy?  - GV giới thiệu số 6  ***\* Nhận biết số 4, 5, 6***  - GV yêu cầu HS lấy ra 5 que tính rồi đếm số que tính lấy ra  - GV yêu cầu HS lấy ra 5 que tính rồi đếm số que tính lấy ra  - GV yêu cầu HS lấy ra 6 que tính rồi đếm số que tính lấy ra  - GV vỗ tay 6 cái yêu cầu HS lấy thẻ có ghi số tương ứng với tiếng vỗ tay  - GV vỗ tay 5 cái yêu cầu HS lấy thẻ có ghi số tương ứng với tiếng vỗ tay  - GV vỗ tay 4 cái yêu cầu HS lấy thẻ có ghi số tương ứng với tiếng vỗ tay  Hoạt động 2. Viết các số 4, 5, 6  ***\* Viết số 4***  - GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn HS viết  C:\Users\Hello\Downloads\so4.png  + Số 4 cao: 4 ô li (5 đường kẽ ngang). Gồm 3 nét: Nét 1: thẳng xiên, nét 2: thẳng ngang và nét 3: thẳng đứng  + Cách viết  + Nét 1: đặt bút trên đường kẽ 5, viết nét thẳng xiên (từ trên xuống dưới) đến đường kẻ 2 thì dừng lại  + Nét 2: Từ điển dừng bút của nét 1 chuyển hướng bút viết nét thẳng nagng rộng hơn một nửa chiều cao một chút thì dừng lại  + Nét 3: Từ điển dừng bút của nét 2, lia bút lên đường kẻ 4 viết nét thẳng từ trên xuống (cắt ngang nét 2) đến đường kẻ 1 thì dừng lại.  - GV cho HS viết bảng con  ***\* Viết số 5***  - GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn HS viết  C:\Users\Hello\Downloads\so4.png  + Số 5 cao: 4 ô li (5 đường kẻ ngang). Gồm 3 nét.  + Nét 1: thẳng ngang; nét 2: thẳng đứng và nét 3: cong phải  + Cách viết: Cách viết số 5  + Nét 1: Đặt bút trên đường kẻ 5 viết nét thẳng ngang (trùng đường kẻ 5) bằng 1 nửa chiều cao thì dừng lại  + Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, lia bút trở lại điểm đặt bút của nét 1, viết nét thẳng đứng đến đường kẻ 3 thì dừng lại  + Nét 3: Từ điểm dừng bút của nét 2 chuyển hướng bút viết nét cong phải đến đường kẻ 2 thì dừng lại  - GV cho HS viết bảng con  ***\* Viết số 6***  - GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn HS viết  C:\Users\Hello\Downloads\6.gif  + Số 6 cao 4 ô li. Gồm 1 nét. Nét chữ số 6 là kết hợp của 2 nét cơ bản: con trên và cong kín  + Cách viết: Đặt bút trên đường kẻ 4, viết nét cong trên (từ phải sang trái), đến đường kẻ 2 thì viết tiếp nét cong kín. Khi chạm vào cong thì dừng lại  - GV cho HS viết bảng con  - GV cho HS viết các số 4, 5, 6  \* GV đưa ra một số trường hợp viết sai, viết ngược để nhắc nhở HS tránh những lỗi sai đó  **3. Luyện tập thực hành (15 phút)**  **Bài 1. Số?**  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho HS làm việc cá nhân  - GV cho HS làm việc nhóm đôi trao đổi với bạn về số lượng  - GV theo dõi, giúp đỡ các nhóm  **Bài 2. Lấy hình phù hợp (theo mẫu)**  - GV hướng dẫn HS làm mẫu  + Quan sát hình đầu tiên có mấy ô vuông?  + 3 ô vuông ghi số mấy?  - GV cho HS làm phần còn lại qua các thao tác:  + Đọc số ghi dưới mỗi hình, xác định số lượng ô vuông cần lấy cho đúng với yêu cầu của bài.  + Lấy số ô vuông cho đủ số lượng, đếm kiểm tra lại  + Chia sẻ sản phẩm với bạn, nói cho bạn nghe kết quả  **Bài 3. Số?**  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho HS Làm bài cá nhân  - GV tổ chức cho HS thi đếm 1 – 6 và 6 – 1  - GV cùng HS nhận xét, tuyên dương  **4. Vận dụng trải nghiệm (5 phút)**  **Bài 4. Số?**  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho HS làm việc nhóm đôi  - GV cho HS các nhóm lên chia sẻ trước lớp  - GV cùng HS nhận xét  **5. Củng cố và nối tiếp (2 phút)**  - Bài học hôm nay chúng ta biết thêm được điều gì?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý.  - Về nhà xem trước bài tiếp theo  - Nhận xét tiết học. Tuyên dương | - HS làm việc nhóm đôi cùng quan sát và chia sẻ trong nhóm:  + 4 bông hoa  + 5 con vịt  + 6 quả táo  - Các nhóm lần lượt lên chia sẻ  - HS lắng nghe  - HS đếm số mèo và số chấm tròn  - Có 4 con mèo, 4 chấm tròn  - Ta có số 4  - HS quan sát, một vài HS nhắc lại  - Có 5 con vịt, 5 chấm tròn  - Ta có số 5  - HS quan sát và nhắc lại  - Có 6 quả táo, 6 chấm tròn  - Ta có số 6  - HS quan sát, một vài HS nhắc lại  - HS làm việc cá nhân lấy 4 que tính rồi đếm 1, 2, 3, 4  - HS làm việc cá nhân lấy 5 que tính rồi đếm 1, 2, 3, 4, 5  - HS làm việc cá nhân lấy 6 que tính rồi đếm 1, 2, 3, 4, 5, 6  - HS làm việc cá nhân: nghe tiếng vỗ tay lấy thẻ có ghi số 6  - HS làm việc cá nhân: nghe tiếng vỗ tay lấy thẻ có ghi số 5  - HS làm việc cá nhân: nghe tiếng vỗ tay lấy thẻ có ghi số 4  - HS theo dõi và quan sát  -  - Viết theo hướng dẫn  - HS theo dõi và quan sát  - HS theo dõi và quan sát  - Viết theo hướng dẫn  - HS tập viết số 6  - HS viết cá nhân  - HS lắng nghe  - 2 -3 HS nhắc lại yêu cầu bài  - HS đếm số lượng mỗi loại quả có trong bài rồi đọc số tương ứng  - HS thay nhau chỉ vào từng hình nói:  + 5 quả cà. Đặt thẻ số 5  + 4 quả dưa. Đặt thẻ số 4  + 6 củ cà rốt. Đặt thẻ số 6  + Có 3 ô vuông  + Ghi số 3  - HS làm các phần còn lại theo hướng dẫn của GV lấy  - HS chia sẻ  - 2 – 3 HS nhắc lại yêu cầu  - HS đếm các khối lập phương rồi đọc số tương ứng  - HS thi đếm từ 1 đến 6 và đếm từ 6 đến 1  - 2 – 3 HS nhắc lại yêu cầu  - HS quan sát tranh, suy nghĩ nói cho bạn nghe số lượng của cái nồi, cái ly, trái thanh long, cái đĩa có trong hình.  - Các nhóm lần lượt lên chia sẻ  + Có 4 cái nồi  + Có 5 cái ly  + Có 6 quả thanh long  + Có 4 cái đĩa    - HS trả lời  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**Mĩ thuật – Lớp 1G**

**Tên bài học: CHỦ ĐỀ 1: MÔN MĨ THUẬT CỦA EM**

**BÀI 1: MÔN MĨ THUẬT CỦA EM (Tiết 2) – Tiết 2**

**Thời gian thực hiện: ngày 16 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

*a. Phẩm* *chất*

Bài học góp phần hình thành và phát triển cho HS tình yêu thiên nhiên, cuộc sống, tính chăm chỉ, ý thức trách nhiệm,…thông qua một số biểu hiện cụ thể:

- Yêu thích cái đẹp trong thiên nhiên, trong đời sống; yêu thích các sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

- Có ý thức chuẩn bị đồ dùng, vật liệu phục vụ bài học và bảo quản các đồ dùng học tập của mình, của bạn, trong lớp, trong trường,…

*b. Năng lực*

Bài học góp phần từng bước hình thành, phát triển các năng lực sau:

\**Năng lực mĩ thuật*

- Nhận biết một số đồ, vật liệu cần sử dụng trong tiết học; nhận biết tên gọi một số sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

- Nêu được tên một số đồ dùng, vật liệu; gọi được tên một số sản phẩm mĩ thuật trong bài học; lựa chọn được hình thức thực hành để tạo sản phẩm.

- Bước đầu chia sẻ về sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật do bản thân, bạn bè, những người xung quanh tạo ra trong học tập và đời sống.

*\*Năng lực chung*

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết tự chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; tự lự chọn nội dung thực hành.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, thảo luận, nhận xét, phát biểu về các nội dung của bài học với GV và bạn học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết quan sát, phát hiện vẻ đẹp ở đói tượng quan sát; biết sử dụng các đồ dùng, công cụ, … để sáng tạo sản phẩm.

\**Năng lực đặc thù khác*

- Năng lực ngôn ngữ: Hình thành thông qua các hoạt đọng trao đổi, thảo luận theo chủ đề.

- Năng lực thể chất: Biểu hiện ở hoạt động tay trong các kĩ năng thao tác sử dụng đồ dùng như vẽ tranh, cắt hình, nặn, hoạt động vận động.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên:

- Các đồ dùng cần thiết như gợi ý trong bài 1 SGK Mĩ thuật 1.

- SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; hình ảnh hoặc vật thật minh họa nội dung bài học(đồ thủ công, sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật, vật liệu đặc trưng vùng miền,…)

b. Học sinh

*-* SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1;

- Các đồ dùng cần thiết như gợi ý trong bài 1 SGK Mĩ thuật 1.

- Ảnh, bức tranh về sản phẩm thủ công (nếu có thể).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  - Gợi mở HS giới thiệu nội dung tiết 1 của bài học  - Giới thiệu nội dung bài học  **2. Hoạt động vận dụng (30 phút)**  **Hoạt động 1. Vận dụng**  - Yêu cầu HS quan sát các sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật ở trang 7 SGK và một số tranh sưu tầm thêm.  - Cho HS trả lời một số câu hỏi:  + Kể tên vật liệu, chất liệu?  + Hình thức tạo hình?  +Ứng dụng? VD như: mặt nạ dùng để làm gì?  + Khi nào gọi là nghệ sĩ, nghệ nhân?  + Khi nào gọi là sản phẩm, tác phẩm?  - GV chốt lại  **Hoạt động 2: Tổng kết nội dung bài**  - Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:  + Hãy kể tên các hoạt động trong môn mĩ thuật mà em biết?  + Những đồ dùng, vật liệu môn Mĩ Thuật?  + Hãy nêu tên gọi của các loại hình? (tranh, tượng)  + Tên gọi của người làm nghề Mĩ thuật? (họa sĩ, nhà điêu khắc, nghệ nhân chạm khắc,...)  - Ý nghĩa của môn Mĩ thuật, các sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật?  - GV chốt lại  **3. Hoạt động củng cố, nối tiếp (2 phút)**  - Tóm tắt nội dung chính của bài học  - Nhận xét kết quả học tập  - Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo: xem trước bài 2 SGK, chuẩn bị các đồ dùng, vật liệu theo yêu cầu ở mục chuẩn bị trong Bài 2 trang 8 SGK | - Suy nghĩ, chia sẻ, bổ sung  - HS quan sát  - HS vận dụng hiểu biết suy đoán, trả lời. HS khác nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe  - HS suy nghĩ, trả lời  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**Tiếng Việt – Lớp 1**

**Tên bài học: O, Ô – Tiết 13 + 14**

**Thời gian thực hiện: ngày 16 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**a. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

- Nhận biết các âm và chữ cái **o, ô** ; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **o, ô** với các mô hình “âm đầu + âm chính”: **co, cô.**

- Nhìn tranh, ảnh minh họa, phát âm và tự phát hiện được tiếng có âm **o**, âm **ô**

- Biết viết trên bảng con các chữ o và ô và tiếng **co, cô**.

**b. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Tranh ảnh minh họa nội dung bài tập, SGK, bộ chữ

b. Học sinh: VBT Tiếng Việt 1, tập 1, bảng con, SGK, bộ chữ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (5 phút)**  - Tổ chức cho HS hát múa vận động tập thể  **2. Hoạt động hình thành kiến thức (15 phút)**  **Hoạt động 1. Dạy âm O, chữ O**  - GV đưa lên bảng hình ảnh HS kéo co  - Đây là trò chơi gì?  - GV chỉ tiếng **co**  **-** GV nhận xét  - GV chỉ tiếng **co** và mô hình tiếng **co**  **-** GV hỏi: Tiếng **co** gồm những âm nào?  \* Đánh vần  - GV hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay  **Hoạt động 2: Dạy âm ô, chữ ô**  - GV đưa lên bảng hình cô giáo  - Đây là hình ai?  - GV chỉ tiếng **cô** và mô hình tiếng **cô**  - GV hỏi: Tiếng **cô** gồm những âm nào?  \* Đánh vần  - GV hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay  - GV cùng 1 tổ HS đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: ***cờ - ô -cô***  ***\* Củng cố***  - Các em vừa học hai chữ mới là chữ gì?  - Các em vừa học 2 tiếng mới là tiếng gì?  - GV chỉ mô hình tiếng **co, cô**  **3. Luyện tập thực hành (15 phút)**  **3.1 Mở rộng vốn từ**  **BT2. Vừa nói tiếng có âm o vừa vỗ tay**  **a. Xác định yêu cầu**  - GV nêu yêu cầu của bài tập: Các em nhìn vào SGK trang 12 (GV giơ sách mở trang 6 cho HS quan sát) rồi nói và vỗ tay tiếng có âm **o**. Nói không vỗ tay tiếng không có âm **o**  **b. Nói tên sự vật**  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời HS nói tên từng sự vật  - GV chỉ từng hình yêu cầu cả lớp nói tên từng sự vật  - Cho HS làm bài trong vở bài tập  **c. Tìm tiếng có âm a.**  - GV làm mẫu: GV chỉ hình c, dê gọi hs nói tên con vật.  \* Trường hợp học sinh không phát hiện ra tiếng có âm **o** thì GV phát âm thật chậm, kéo dài để giúp HS phát hiện ra.  **d. Báo cáo kết quả**  - GV chỉ từng hình mời học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi.  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả  - GV chỉ từng hình yêu cầu học sinh nói.  - GV đố học sinh tìm 3 tiếng có âm **o** (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh)  **Bài tập 3. Tìm tiếng có âm ô**  **a. Xác định yêu cầu bài tập**  - GV nêu yêu cầu của bài tập: Vừa nói to tiếng có âm **ô** vừa vỗ tay tiếng có âm **ô**. Nói không vỗ tay tiếng không có âm **ô**  **b. Nêu tên sự vật**  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời HS nói tên từng sự vật  - GV chỉ từng hình yêu cầu cả lớp nhắc tên từng sự vật  - Cho HS làm bài trong vở bài tập  **c. Báo cáo kết quả**  - GV chỉ từng hình mời học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi.  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả  - GV chỉ từng hình yêu cầu học sinh nói.  - GV đố học sinh tìm 3 tiếng có âm **ô** (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh) | - HS tham quan  - HS quan sát  - HS: Đây trò chơi kéo co  - HS nhận biết **c, o = co**  - HS đọc cá nhân – tổ - cả lớp**: co**  - HS quan sát  - HS trả lời nối tiếp: Tiếng **co** gồm có âm **c** và âm **o**. Âm c đứng trước và âm o đứng sau  - HS quán sát  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS quan sát  - HS: Đây là cô giáo  - HS nhận biết **c, ô, cô**  - HS đọc cá nhân – tổ - cả lớp**: cô**  - HS trả lời nối tiếp: Tiếng **cô** gồm có âm **c** và âm **ô**. Âm **c** đứng trước và âm **ô** đứng sau  - HS quán sát  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: ***cờ - ô -cô***  - Chữ o và ô  - Tiếng co và cô  - HS đánh vần, đọc trơn: cờ- o-co, co;  cờ-ô-cô, cô.  - HS lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 6  - HS lần lượt nói tên từng con con vật: cò; thỏ; dê; nho; mỏ; gà; cò.  - HS nói đồng thanh  - HS làm cá nhân nối **o** với từng hình chứa tiếng có âm **o** trong vở bài tập  - HS nói to và vỗ tay: **cò**  - HS nói mà không vỗ tay  - HS báo cáo cá nhân  - HS cả lớp đồng thanh nói to tiếng có âm **o**, nói thầm tiếng không có âm **o**.  - HS nói (bọ, xò, bò,...)  - HS theo dõi  - HS lần lượt nói tên từng con con vật: hổ, ổ, rổ, dế, hồ, xô  - HS nói đồng thanh  - HS làm cá nhân nối **ô** với từng hình chứa tiếng có âm **ô** trong vở bài tập  - HS báo cáo cá nhân  - HS cả lớp đồng thanh nói to tiếng có âm **ô**, nói thầm tiếng không có âm **ô**.  - HS nói (ô, bố, cỗ...) |
| **Tiết 2** | |
| **Tìm chữ o, chữ ô (Bài tập 4) (15 phút)**  a. Giới thiệu chữ **o, ô**  - GV giới thiệu chữ **o**, chữ **ô** in thường  b. Tìm chữ **o**, chữ **ô** trong bộ chữ  - GV gắn lên bảng hình minh họa BT5 và giới thiệu tình huống: Bi và Hà cùng đi tìm chữ **o** và chữ **ô** giữa các thẻ chữ. Hà và Bi chưa tìm thấy chữ nào. Các em cùng với 2 bạn đi tìm chữ **o** và chữ **ô** nhé  - GV cho HS tìm chữ **o** trong bộ chữ  - GV kiểm tra kết quả, khen HS đúng  - Cho HS nhắc lại tên chữ  - GV cho HS tìm chữ **ô** trong bộ chữ  - GV kiểm tra kết quả, khen HS đúng  - Cho HS nhắc lại tên chữ  \* Cho HS làm việc cá nhân khoanh vào chữ **o** trong BT 5 VBT  **3.2 Tập viết** (Bảng con – BT 6) **(15 phút)**  a. Luyện đọc  - GV cho cả lớp đọc lại 2 trang vừa học  b. Làm mẫu  - GV giới thiệu mẫu chữ viết thường **o, ô** cỡ vừa  - GV chỉ bảng chữ **o, ô**  - GV vừa viết mẫu từng chữ và tiếng trên khung ô li phóng to trên bảng vừa hướng dẫn quy trình viết.  c. Thực hành viết  - Cho HS viết trên khoảng không  - Cho HS viết bảng con  **4. Hoạt động của cố và nối tiếp (5 phút)**  - Hôm nay em học âm gì?  - Học được tiếng gì?  - Về nhà đọc lại bài, chuẩn bị bài sau: cỏ, cọ  - GV nhận xét tiết học | - HS quan sát và lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS làm cá nhân tìm chữ **o** rồi cài vào bảng cài  - HS giơ bảng  - HS đọc tên chữ  - HS làm cá nhân tìm chữ **ô** rồi cài vào bảng cài  - HS giơ bảng  - HS đọc tên chữ  - HS thực hiện  - HS đọc  - HS theo dõi  - HS đọc  - HS theo dõi  - HS viết lên không trước mặt bằng ngón tay trỏ  - HS viết bài cá nhân trên bảng con chữ **o, ô, co**, **cô** từ 2 – 3 lần  - HS trả lời  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**Đạo đức – Lớp 1G**

**Tên bài học: BÀI 1 EM VỚI NỘI QUY TRƯỜNG LỚP (Tiết 2) – Tiết 2**

**Thời gian thực hiện: ngày 16 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS cần đạt được những yêu cầu sau:

- Nêu được những biểu hiện thực hiện đúng nội quy trường, lớp.

- Biết vì sao phải thực hiện đúng nội quy trường, lớp.

- Thực hiện đúng nội quy trường, lớp.

- Nhắc nhở bạn bè thực hiện đúng nội quy trường, lớp.

\* Tích hợp giáo dục lí tưởng CM, ĐĐ, LS cho HSTH: Biết thực hiện đúng nội quy trường, lớp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Băng đĩa CD có bài hát “Đi học” - Nhạc Bùi Đình Thảo, thơ Hoàng Minh Chính. Nội quy nhà trường. Hộp mực các màu xanh, đỏ, vàng, cam, tím,... để HS thể hiện cam kết của bản thân trên bản nội quy.

b. Học sinh: SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (2 phút)**  - Ổn định: HS hát | - HS hát |
| **2. Luyện tập, thực hành (20 phút)**  **Hoạt động 3: Xử lí tình huống**  **Mục tiêu:** - HS biết lựa chọn cách ứng xử phù hợp với nội quy  - HS được phát triển năng lực giải quyết vấn đề  **Cách tiến hành:** | |
| - GV yêu cầu HS xem tranh ở trang 5, SGK Đạo đức 1 và nêu tình huống xảy ra trong tranh.  - GV giới thiệu rõ nội dung hai tình huống và giao nhiệm vụ cho HS thảo luận theo nhóm đôi để tìm cách ứng xử phù hợp trong mỗi tinh huống.  - Với mỗi tình huống, GV mời một vài cặp HS nêu các cách ứng xử và lí do vì sao các em lại chọn cách ứng xử đó.  - GV tổng kết các ý kiến và kết luận | - Một số HS nêu tình huống.  - HS thảo luận nhóm đôi, tìm cách ứng xử phù hợp  + Tình huống 1: Em nên nhắc nhở bạn phải giữ trật tự, không nên đùa nghịch trong giờ học.  + Tình huống 2: Nếu là Lan, em nên bỏ giấy gói bánh vào thùng rác để giữ vệ sinh chung.  - HS suy nghĩ, tự đánh giá. |
| **Hoạt động 4: Tự liên hệ**  **Mục tiêu:** HS tự đánh giá được việc thực hiện nội quy của bản thân sau một tuần đi học.  \* Tích hợp giáo dục lí tưởng CM, ĐĐ, LS cho HSTH: Biết thực hiện đúng nội quy trường, lớp.  **Cách tiến hành:** | |
| - GV nêu yêu cầu tự liên hệ:  1. Em đã thực hiện những điều nào trong nội quy?  2. Những điều nào em chưa thực hiện?  3. Em sẽ làm gì để thực hiện đúng nội quy?  - GV mời một số HS chia sẻ trước lớp.  - GV tổng kết, khen ngợi những HS đã thực hiện nội quy và nhắc nhở các bạn khác trong Lớp học tập theo các bạn đó  - GV tổng kết, khen ngợi những HS đã thực hiện nội quy và nhắc nhở các bạn khác trong Lớp học tập theo các bạn đó | - HS chia sẻ tự đánh giá với bạn ngồi bên cạnh.  - HS lắng nghe |
| **Hoạt động 5: Cam kết thực hiện Nội quy**  **Mục tiêu:** HS thể hiện được cam kết thực hiện Nội quy lớp học mà các em đã xây dựng.  **Cách tiến hành:** | |
| - GV treo bản Nội quy lên trên bảng và hỏi: Đây là bản Nội quy của trường, Lớp mình mà chúng ta đã vừa tìm hiểu. Thực hiện bảng Nộì quy sẽ mang lại lợi ích cho chính bản thân các em. Vậy chúng ta có quyết tâm thực hiện bản Nội quynày không? Chúng ta có thể thể hiện quyết tâm thực hiện nội quy bằng cách nào?  - GV hướng dẫn HS cách thể hiện cam kết thực hiện nội quy  - GV khen ngợi cả lớp và chúc cả lớp luôn giữ đúng cam kết thực hiện nội quy | - HS lần lượt đi lên phía trên lớp học và ấn hình bàn tay hoặc ngón tay có mực màu của mình lên xung quanh bản Nội quy  - HS vận dụng thực hành |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm (10 phút)**  **Vận dụng trong giờ học:** GV tổ chức cho HS:  1.Cùng bạn tập xếp hàng khi ra, vào Lớp.  2.Cùng bạn tập chào khi thầy cô giáo ra, vào Lớp.  **Vận dụng sau giờ học:** GV hướng dẫn HS:  1.Hằng ngày nhớ thực hiện nội quy nhà trường, lớp học.  2.Nhắc nhở khi thấy bạn em chưa thực hiện nội quy. | - HS theo dõi, ghi nhớ |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**TNXH – Lớp 1G**

**Tên bài học: Gia đình em ( Tiết 3) – Tiết 3**

**Thời gian thực hiện: ngày 16 tháng 1 năm 2024**

**I YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

a. Năng lực đặc thù

\* Về nhận thức khoa học:

- Giới thiệu được bản thân và các thành viên trong gia đình.

- Nêu được ví dụ về các thành viên trong gia đình dành thời gian nghỉ ngơi vui chơi cùng nhau.

- Kể được công việc nhà của các thành viên trong gia đình.

\* Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:

- Đặt các câu hỏi đơn giản về các thành viên trong gia đình và công việc nhà của họ.

- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về các thành viên trong gia đình và công việc nhà của họ.

\* Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:

- Tham gia việc nhà phù hợp với lứa tuổi.

b. Năng lực chung:

-Năng lực tự chủ và tự học: HS tự lựa chọn việc nhà phù hợp với lứa tuổi của các em.

-Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Khả năng giải quyết tình huống dựa vào các câu hỏi đặt ra.

-Năng lực giao tiếp, hợp tác: Lắng nghe, chia sẻ và trình bày ý kiến.

c. Phẩm chất:

- Nhân ái: Biết yêu thương mọi người trong gia đình mình.

- Chăm chỉ:Tích cực tham gia các hoạt động trong tiết học.

- Trung thực: Ghi nhận kết quả việc làm của mình một cách trung thực.

- Trách nhiệm: Ý thức được trách nhiệm của bản thân trong gia đình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: các hình trong SGK, VBT TN & XH, video/nhạc bài hát về gia đình, tranh vẽ, ảnh về gia đình, bảng phụ, phiếu tự đánh giá

b. Học sinh: SGK và VBT TN & XH 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**Tiết 3**

**Em tham gia làm công việc nha**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (3 phút)**  Ổn định: GV cho HS nghe và hát theo lời một bài hát về gia đình: cả nhà thương nhau. | - Hát |
| **2. Hình thành kiến thức mới (20 hút)**  **KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI**  **Hoạt động 5. Tìm hiểu công việc nhà của bạn An.**  Bước 1. Làm việc theo cặp.  - GV trình chiếu tranh ở trang 11 SGK    - GV HD HS quan sát hình ở trang 11, thảo luận để trả lời các câu hỏi gợi ý.  + Khi ở nhà, bạn An làm các công việc gì?  + Bạn An có vui vẻ khi tham gia việc nhà không?  Bước 2. Làm việc cả lớp  - GV mời 1 số cặp lên chia sẻ trước lớp  - GV mời HS các nhóm bạn nhận xét  - GV nhận xét | - Phối hợp với phụ huynh giúp các em tham gia việc nhà phù hợp với lứa tuổi  - HS quan sát  - HS theo dõi, thảo luận, thống nhất ý kiến trả lời các câu hỏi:  + Khi ở nhà, bạn An làm các việc như: lau bàn, tưới cây, gấp quần áo, chơi với em, đưa nước cho bà.  + Nhìn nét mặt cho thấy bạn An rất vui vẻ khi tham gia việc nhà.  - Đại diện 1 số cặp lên trình bày trước lớp  - Các nhóm đánh giá bạn |
| **3. Luyện tập, thực hành (10 phút)**  **Hoạt động 6. Giới thiệu công việc nhà của em.**  Bước 1. Làm việc theo cặp  - GV hướng dẫn HS làm việc tìm hiểu các nội dung về công việc nhà của mội thành viên.  - GV đưa ra các câu hỏi gợi ý:  + Ở nhà, bạn có thể làm những công việc gì?  + Bạn cảm thấy thế nào khi làm việc nhà.  - GV đi quan sát, hỗ trợ các nhóm  Bước 2. Làm việc cả lớp  - GV mời 1 số cặp lên chia sẻ trước lớp  - GV mời HS các nhóm bạn nhận xét  - GV nhận xét và đưa ra thôi thông điệp: Chúng ta hãy làm việc nhà mỗi ngày nhé.  Bước 3. Làm việc cá nhân  - GV cho HS làm câu 6 của Bài 1  - GV nhận xét, kết luận  **4. Củng cố và nối tiếp. (2 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà cùng người thân làm công việc nhà. | - HS thảo luận, chia sẻ theo hình thức 1 HS hỏi một học sinh trả lời.  - HS trả lời theo công việc đã làm hàng ngày.  - HS trả lời theo cảm xúc cá nhân  - Đại diện 1 số cặp lên trình bày trước lớp  - Các nhóm đánh giá bạn  - HS làm bài vào vở Bài tập  - HS trao đổi kết quả với bạn bên cạnh và cả lớp  - Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**HĐTN - Lớp 1G**

**Tên bài học: Sinh hoạt dưới cờ Xây dựng đôi bạn cùng tiến – Tiết 4**

**Thời gian thực heiejn: ngày 16 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

\* Góp phần hình thành và phát triển cho HS:

a. Phẩm chất:

- Nhân ái: Biết yêu thương bạn bè.

- Trách nhiệm: HS có ý thức đoàn kết, giúp đỡ bạn bè trong học tập và rèn luyện.

b. Năng lực chung:

- Giao tiếp và hợp tác: Giao tiếp mạnh dạn với bạn bè, thầy cô.

c. Năng lực đặc thù:

- Năng lực thích ứng với cuộc sống:

+ Nhận biết được ý nghĩa, nội dung và hình thức của sinh động theo chủ đề “ xây dựng đôi bạn cùng tiến”.

+ Tự tin tham gia hoạt động và cảm thấy vui, hạnh phúc khi giúp đỡ bạn bè.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Nhà trường

+ Ghế, mũ cho HS khi sinh hoạt dưới cờ.

+ Hệ thống âm thanh phục vụ hoạt động.

+ Quốc kì, hoa, cờ cầm tay, ảnh Bác Hồ, trống nghi thức.

+ Ban tổ chức sinh hoạt dưới cờ : ban chỉ huy, BGH, GV và các em HS.

+ Kịch bản chương trình sinh hoạt dưới cờ theo chủ đề “ xây dựng đôi bạn cùng tiến.

b. Giáo viên

+ TPT: Thành lập đội nghi lễ: đội trống, đội cờ và tập dợt các bài trống nghi thức theo quy định của Đội thiếu niên Tiền phong HCM.

+ GV Âm nhạc: Chuẩn bị nhạc chương trình văn nghệ.

+ GVCN: Nhắc nhở, đôn đốc lớp chuẩn bị tinh thần, xếp hàng và giữ trật tự.

c. Học sinh

- Mặc đồng phục theo quy định của trường.

- Xếp hàng theo hướng dẫn của GVCN.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**Phần 1. Nghi lễ (5 phút)**

- Lễ chào cờ

- Lớp trực tuần tổng kết HĐ của toàn trường trong tuần vừa qua.

- TPT Đội nhận xét HĐ Đội của nhà trường.

- BGH lên nhận xét HĐ của tuần trường trong tuần qua và nêu nhiệm vụ phương hướng tuần tới.

**Phần 2: Sinh hoạt theo chủ đề “ Xây dựng đôi bạn cùng tiến”(30 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1.Khởi động**  - Toàn trường hát tập thể bài hát: Em yêu trường em  - Người điều khiển nêu ý nghĩa của buổi sinh họat và mục đích của HĐ.  **2. Triển khai sinh hoạt theo chủ đề “Xây dựng đôi bạn cùng tiến”.**  - Nhà trường triển khai một số nội dung phát động phong trào “Đôi bạn cùng tiến. Có thể có những hoạt động như sau:  - Nhắc nhở HS tham gia giúp đỡ các bạn trong lớp về việc học tập và rèn luyện.  - Các lớp đăng kí thành lập những đôi bạn cùng tiến để cùng giúp đỡ nhau học tập tốt, khuyến khích những bạn ở gần nhà nhau có thể đăng kí thành một đôi.  - Hướng dẫn một số việc làm để HS thực hiện: hăng hái tham gia xây dựng bài; giảng bài cho bạn khi bạn không hiểu, tranh thủ hướng dẫn, giúp đỡ bạn làm các bài GV vừa dạy trong giờ ra chơi, nghỉ giải lao, cùng nhau chuẩn bị bài nhà.).  **3. Củng cố và nối tiếp ( 2 phút)**  - GV TPT Đội nêu ý nghĩa của HĐ và nhắc nhở chuẩn bị cho hoạt động sinh họạt dưới cờ tuần sau. | - HS hát to rõ và đồng thanh.  - HS chú ý lắng nghe và vỗ tay.  - HS lắng nghe.  - HS các lớp đăng ký.  - HS chú ý lắng nghe và cùng thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1G**

**Tên bài học: cỏ cọ - Tiết 15 + 16**

**Thời gian thực hiện: ngày 17 tháng 9 anmw 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

a. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:

- Nhận biết thanh hỏi và dấu hỏi, thanh nặng và dấu nặng.

- Biết đánh vần tiếng có mô hình “âm đầu + âm chính + thanh”: cỏ, cọ.

- Nhìn hình minh họa, phát âm (hoặc được giáo viên hướng dẫn phát âm), tự tìm được tiếng có thanh hỏi, thanh nặng.

- Viết đúng các tiếng cỏ, cọ (trên bảng con)

b. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên, cây cối.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Tranh ảnh minh họa nội dung bài tập, sách giáo khoa, bộ chữ

b. Học sinh: Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập một, bảng con, sách giáo khoa, bộ chữ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| **1. Khởi động (5 phút)**  - GV hướng dẫn HS hát và vận động tập thể  **2. Hoạt động hình thành kiến thức (15 phút)**  **Hoạt động 1: Dạy tiếng cỏ**  - GV đưa tranh bụi cỏ lên bảng.  - Đây là cây gì?  - GV viết lên bảng tiếng cỏ  - GV chỉ tiếng cỏ  \* Phân tích  + GV che dấu hỏi ở tiếng cỏ rồi hỏi: Ai đọc được tiếng này?  - GV chỉ vào chữ cỏ, nói đây là một tiếng mới. So với tiếng co thì tiếng này có gì khác?  - Đó là dấu hỏi chỉ thanh hỏi  - GV đọc : cỏ  - GV chỉ tiếng cà kết hợp hỏi: Tiếng cỏ gồm có những âm nào? Thanh nào?  - GV cho HS nhắc lại  \* Đánh vần.  - Hôm trước, các em đã biết cách đánh vần tiếng **co: cờ-o-co**. Hôm nay, tiếng ca có thêm dấu hỏi, ta đánh vần như thế nào?  - Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay:  - GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: **co-hỏi-cỏ**  - Bây giờ chúng ta gộp bước đánh vần tiếng co với bước đánh vần tiếng cỏ làm một cho gọn.  - GV giới thiệu mô hình tiếng **cỏ**  - GV chỉ từng kí hiệu trong mô hình, đánh vần tiếng **c-o-co-hỏi-cỏ**.  **Hoạt động 2: Dạy tiếng cọ.**  - GV đưa tranh con cá lên bảng.  - Đây là cây gì?  - GV viết lên bảng tiếng **cọ**  - GV chỉ tiếng **cọ**  **\* Phân tích**  + GV che dấu huyền ở tiếng cọ rồi hỏi: Ai đọc được tiếng này?  - GV chỉ vào chữ cọ, nói đây là một tiếng mới. So với tiếng ca thì tiếng này có gì khác?  - Đó là dấu nặng chỉ thanh nặng  - GV đọc: **cọ**  - GV chỉ tiếng cọ kết hợp hỏi: Tiếng cọ gồm có những âm nào? Thanh nào?  - GV cho HS nhắc lại  - GV: Tiếng cỏ khác tiếng **cọ** ở thanh gì?  **\* Đánh vần**.  - GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: **co-nặng-cọ**  - GV giới thiệu mô hình tiếng **cọ**  - GV chỉ từng kí hiệu trong mô hình, đánh vần tiếng **c-o-co-nặng-cọ**  **3. Hoạt động luyện tập (15 phút)**  **3.1. Mở rộng vốn từ. (BT3: Đố em: Tiếng nào có thanh hỏi?)( 8 phút)**  a. Xác định yêu cầu.  - GV nêu yêu cầu của bài tập  b. Nói tên sự vật  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật.  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật.  **3.2. Mở rộng vốn từ. (BT3: Đố em: Tìm tiếng có thanh nặng) (7 phút)**  a. Xác định yêu cầu.  - GV nêu yêu cầu của bài tập  b. Nói tên sự vật  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật.  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật. | - HS tham gia  - HS quan sát  - HS : Đây là bụi cỏ.  - HS nhận biết tiếng cỏ  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: cỏ  - HS xung phong đọc: co  - Có thêm dấu trên đầu  - HS cá nhân – cả lớp : cỏ  - Tiếng cà gồm có âm c và âm o. Âm c đứng trước, âm o đứng sau, dấu hỏi đặt trên o.  - HS cả lớp nhắc lại  - HS: co-hỏi-cỏ  - Quan sát và cùng làm với GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV theo từng tổ.  - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: **co-hỏi-cỏ**  - Cả lớp đánh vần: **co-hỏi-cỏ.**  - Lắng nghe  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) : c-o-co-hỏi-cỏ.  - HS quan sát  - HS : Đây là cây **cọ**  - HS nhận biết tiếng **cọ**  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: **cọ**  - HS xung phong đọc: **co**  - Có thêm dấu bên dưới.  - HS cá nhân – cả lớp: **cọ**  - Tiếng **cọ** gồm có âm **c** và âm **o**. Âm **c** đứng trước, âm **o** đứng sau, dấu nặng đặt dưới âm **o**  - HS: **co-nặng-cọ**  - Cả lớp đánh vần: **co-nặng-cọ**  - Lắng nghe  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp): **c-o-co-nặng-cọ**  - Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 14.  - HS lần lượt nói tên từng con vật: hổ, mỏ, thỏ, bảng, võng, bò  - HS lần lượt nói một vài vòng  - Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 15.  - HS lần lượt nói tên từng con vật: ngựa, chuột, vẹt, quạt, chuối, vịt.  - HS lần lượt nói một vài vòng |
| **Tiết 2** | |
| **3.3. Tập đọc (15 phút)**  a. Luyện đọc từ ngữ.  - GV trình chiếu tranh lên bảng lớp.  - GV giới thiệu : Bài đọc nói về các con vật, sự vật. Các em cùng xem đó là những gì?  - GV hướng dẫn học sinh đọc từ dưới nỗi hình:  + GV chỉ hình 1 hỏi : Gà trống đang làm gì  + GV chỉ chữ : ò...ó...o  + GV chỉ hình 2 hỏi: Đây là con gì?  + GV: Con cò thường thấy ở cánh đồng làng quê Việt Nam. Con cò tượng trưng cho sự chăm chỉ, cần cù, chịu thương chịu khó của người nông dân.  + GV chỉ chữ  + GV chỉ hình 3 hỏi: Đây là cái gì?  + GV chỉ chữ  + GV chỉ hình 4 hỏi: Đây là cái gì?  + GV giới thiệu: Cái cổ của con hươu cao cổ rất dài. Nó giúp cho hươu ăn được những chiếc lá rất cao trên ngọn cây.  + GV chỉ chữ.  - GV chỉ hình theo thứ tự đảo lộn yêu cầu HS đọc.  b. Giáo viên đọc mẫu:  - GV đọc lại : ò...ó...o, cò, ô, cổ  c. Thi đọc cả bài.  - GV cùng học sinh nhận xét  \* GV cho HS đọc lại những gì vừa học ở bài 5 (dưới chân trang 15).  **3.4. Tập viết (Bảng con – BT 5) (15 phút)**  a. Viết : cỏ, cọ, cổ, cộ  \* Làm mẫu.  - GV giới thiệu dấu hỏi và dấu nặng.  - GV chỉ bảng dấu hỏi và dấu nặng  - GV vừa viết mẫu từng dấu trên khung ô li phóng to trên bảng vừa hướng dẫn quy trình viết :  b. Thực hành viết  - Cho HS viết trên khoảng không  - Cho HS viết bảng con  - Cho học sinh viết bảng con  **4. Củng cố và nối tiếp ( 5 phút)**  - Hôm nay các em học được tiếng gì?  - Phối hợp với phụ huynh hướng dẫn HS hoàn thành bài tập mở rộng vốn từ ở nhà  - Về nhà đọc lại bài , chuẩn bị bài sau:ơ, d  - Nhận xét ,tuyên dương | - HS quan sát.  - Theo dõi  - HS đánh vần (hoặc đọc trơn)  + Gà trống đang gáy : ò...ó...o  + HS đọc (cá nhân – lớp) : ò...ó...o.  + Đây là con cò.  + Lắng nghe  + HS đọc (cá nhân – lớp): cò  + Đây là cái ô  + HS đọc (cá nhân – lớp): đố  + Đây là cái cổ của con hươu cao cổ  + HS lắng nghe.  + HS đọc (cá nhân – lớp): cổ  - HS (cả lớp – cá nhân) đọc  - HS nghe  -HS thi đọc  \* Cả lớp nhìn SGK đọc cả 4 chữ vừa học trong tuần: cỏ, cọ, cổ, cộ.  - HS viết lên không trước mặt bằng ngón tay trỏ.  - HS viết bài cá nhân trên bảng con chữ tiếng cỏ, cọ từ 2-3 lần.  - HS viết bài cá nhân trên bảng tiếng cổ, cộ từ 2-3 lần  - HS trả lời  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1G**

**Tên bài học: Tập viết sau bài 4, 5 – Tiết 17**

**Thời gian thực hiện: ngày 17 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

a. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:

- Tô, viết đúng các chữ o, ô các tiếng co, cô, cỏ, cọ, cổ, cộ – chữ thường cỡ vừa đúng kiểu đều nét, đưa bút đúng quy trình viết, dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ theo mẫu chữ trong vở Luyện viết 1, tập một.

b. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài

b. Học sinh: Bảng con, phấn, bút dạ để học sinh làm bài tập 5 (tập viết).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (3 phút)**  - Ổn định  + GV gọi học đọc các chữ đã học ở bài 4, 5  + GV cho học sinh nhận xét bài đọc  - Giới thiệu bài:  + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ tập tô và tập viết các chữ **o, ô** các tiếng **co, cô, cỏ, cọ, cổ, cộ**.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (30 phút)**  **Mục tiêu:** Tô, viết đúng các chữ **o, ô** các tiếng **co, cô, cỏ, cọ, cổ, cộ** – chữ thường cỡ vừa đúng kiểu đều nét, đưa bút đúng quy trình viết, dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ.  **Hoạt động 1: Đọc chữ o, co, ô, cô, cỏ, cọ, cổ, cộ**  - GV treo bảng phụ các chữ, tiếng và số cần viết.  - GV yêu cầu học sinh đọc  - GV nhận xét  **Hoạt động 2: Tập tô, tập viết : o, co, ô, cô**  - Gọi học sinh đọc **o, co, ô, cô**  - Yêu cầu học sinh nói cách viết tiếng **o, co, ô, cô.**  - GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ, tiếng vừa hướng dẫn:  - GV cho HS làm việc cá nhân tô, viết các chữ **ơ, cờ, d, da**  - GV theo dõi, hỗ trợ HS  Giải lao  **Hoạt động 3: Tập tô, tập viết : cỏ, cọ, cổ, cộ**  - Gọi học sinh đọc **cỏ, cọ, cổ, cộ**  - Yêu cầu học sinh nói cách viết tiếng **cỏ, cọ, cổ, cộ**  - GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ, tiếng vừa hướng dẫn:  - GV cho HS làm việc cá nhân tô, viết các chữ **cỏ, cọ, cổ, cộ**  - GV theo dõi, hỗ trợ HS  **3. Củng cố và nối tiếp (2 phút):**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà cùng người thân viết lại các chữ và số hôm nay vừa viết, xem trước bài 6 | - Hát  - 2 HS đọc  - Lắng nghe  - HS quan sát  - HS đọc (Tập thể-nhóm-cá nhân) các chữ, tiếng và số**.**  - 2 HS đọc  - 2 HS nói cách viết  + Chữ **o** : Gồm một nét cong kín (từ phải sang trái); dừng bút ở điểm xuất phát.  + Tiếng **co**: chữ c viết trước, chữ **o** viết sau. Chú ý viết c sát o để nối nét với **o**.  + Chữ ô: viết như **o**, thêm dấu mũ để thành chữ **ô**. Dấu mũ là hai nét thẳng xiên ngắn (trái - phải) chụm vào nhau, đặt cân đối trên dầu chữ **o**.  + Tiếng **cô**: chữ c viết trước, chữ **ô** viết sau. Chú ý viết **c** sát **ô** để nối nét với ô.  - HS theo dõi, viết lên không trung theo hướng dẫn của GV.  - HS tô, viết vào vở Luyện viết 1  - 2 HS đọc  - 3 HS nói cách viết:  + Tiếng **cỏ:** chữ c viết trước, chữ **o** viết sau. dấu hỏi viết ngay ngắn trên đầu chữ **o**. Chú ý viết **c** sát **o** để nối nét với **o**.  + Tiếng **cọ**: viết chữ c trước chữ **o** sau, dấu nặng đặt bên dưới **o** không dính sát **o**.  + Tiếng **cổ**: viết chữ **c** trước chữ **ô** sau, dấu hỏi đặt ngay ngắn trên **ô**.  + Tiếng **cộ:** viết chữ **c** trước chữ **ô** sau, dấu nặng đặt dưới **ô**.  - HS theo dõi, viết lên không trung theo hướng dẫn của GV.  - HS tô, viết vào vở Luyện viết 1  - Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Toán – Lớp 1G**

**Tên bài học: Các số 7, 8, 9 – Tiết 5**

**Thời gian thực hiện: ngày 17 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 9. Thông qua đó, HS nhận biết được số lượng , hình thành biểu tượng về các số 7, 8, 9

- Đọc, viết được các số 7, 8, 9.

- Lập được các nhóm đồ vật có số lượng 7, 8, 9.

- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ. Thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

- Học sinh phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học thông qua hoạt động quan sát tranh, đếm số lượng, nêu số tương ứng….

- Học sinh phát triển năng lực giao tiếp toán học thông qua việc đếm, sử dụng các số để biểu thị số lượng, trao đổi với bạn về số lượng của sự vật trong tranh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: tranh tình huống; một số que tính, chấm tròn, hình tam giác; thẻ số từ 1 đến 9 trong bộ đồ dùng Toán 1.

b. Học sinh: Vở, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  - GV cho HS quan sát tranh khởi động trang 10 SGK và làm việc nhóm đôi về số lượng các sự vật trong tranh.  - GV theo dõi, giúp đỡ học sinh  - GV gọi một vài cặp lên chia sẻ trước lớp  - Giáo viên nhận xét chung  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (10 phút)**  **Hoạt động 1: Hình thành các số 7, 8, 9**  \* Quan sát  - GV yêu cầu HS đếm số con vật và số chấm tròn ở dòng thứ nhất của khung kiến thức.  - Có mấy cái trống? Mấy chấm tròn?  - Vậy ta có số mấy?  - GV giới thiệu số 7  - Có mấy máy bay? Mấy chấm tròn?  - Vậy ta có số mấy?  - GV giới thiệu số 8.  - Có mấy ô tô? Mấy chấm tròn?  - Vậy ta có số mấy?  - GV giới thiệu số 9.  \* Nhận biết số 7, 8, 9.  - GV yêu cầu học sinh lấy ra 7 que tính rồi đếm số que tính lấy ra.  - GV yêu cầu học sinh lấy ra 8 que tính rồi đếm số que tính lấy ra.  - GV yêu cầu học sinh lấy ra 9 que tính rồi đếm số que tính lấy ra.  - Giáo viên vỗ tay 7 cái yêu cầu học sinh lấy thẻ có ghi số tương ứng với tiếng vỗ tay  - Giáo viên vỗ tay 8 cái yêu cầu học sinh lấy thẻ có ghi số tương ứng với tiếng vỗ tay  - Giáo viên vỗ tay 9 cái yêu cầu học sinh lấy thẻ có ghi số tương ứng với tiếng vỗ tay  Hoạt động 2. Viết các số 7, 8, 9.  \* Viết số 7  - GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết :  C:\Users\Hello\Downloads\bang-chu-cai-tieng-viet.png  + Số 7 cao: 4 li ( 5 đường kẻ ngang). Gồm 3 nét. Nét 1: thẳng ngang, nét 2: thẳng xiên và nét 3: thẳng ngang (ngắn).  + Cách viết:  + Nét 1: Đặt bút trên đường kẻ 5 viết nét thẳng ngang (trùng đường kẻ 5) bằng một nửa chiều cao thì dừng lại.  + Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng bút viết nét thẳng xiên (từ trên xuống dưới, từ phải sang trái) đến đường kẻ 1 thì dừng lại.  + Nét 3: Từ điểm dừng bút của nét 2, lia bút lên khoảng giữa, viết nét thẳng ngang ngắn trên đường kẻ 3 (cắt ngang nét 2).  - GV cho học sinh viết bảng con  \* Viết số 8  - GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết:  C:\Users\Hello\Downloads\8.gif  + Số 4 cao: 4 li (5 đường kẻ ngang).Gồm 2 nét. Nét 1: cong kín, nét 2: cong dưới.  + Cách viết:  + Nét 1: Đặt bút trên đường kẻ 5 một chút, viết nét cong kín (từ phải sang trái). Khi chạm vào điểm xuất phát thì dừng lại.  + Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, rê bút trở xuống viết nét cong dưới đến đường kẻ 2 thì dừng lại.  - GV cho học sinh viết bảng con  \* Viết số 9  - GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết    + Số 6 cao 4 li. Gồm 2 nét. Nét 1: cong kín, nét 2: cong dưới.  + Cách viết:  + Nét 1: Đặt bút trên đường kẻ 5 một chút, viết nét cong kín (từ phải sang trái). Khi chạm vào điểm xuất phát thì dừng lại.  + Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, rê bút trở xuống viết nét cong dưới, đến đường kẻ 2 thì dừng lại.  - GV cho học sinh viết bảng con  - GV cho học sinh viết các số 7, 8, 9.  \* GV đưa ra một số trường hợp viết sai, viết ngược để nhắc nhở học sinh tránh những lỗi sai đó  **3. Luyện tập, thực hành. (15 phút)**  **Bài 1. Số ?**  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc cá nhân  - GV cho học sinh làm việc nhóm đôi trao đổi với bạn về số lượng.  - GV theo dõi, giúp đỡ các nhóm  **Bài 2. Lấy hình phù hợp (theo mẫu)**  - GV hướng dẫn HS làm mẫu  + Quan sát hình đầu tiên có mấy tam giác?  + 4 tam giác ghi số mấy?  - GV cho học sinh làm phần còn lại qua các thao tác:  + Đọc số ghi dưới mỗi hình, xác định số lượng tam giác cần lấy cho đúng với yêu cầu của bài.  + Lấy số tam giác cho đủ số lượng, đếm kiểm tra lại  + Chia sẻ sản phẩm với bạn, nói cho bạn nghe kết quả.  **Bài 3. Số ?**  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài cá nhân  - GV tổ chức cho học sinh thi đếm 1-9 và 9-1  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương  **4. Vận dụng trải nghiệm (5 phút)**  **Bài 4. Số ?**  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc nhóm đôi  - GV cho các nhóm lên chia sẻ trước lớp  - GV cùng học sinh nhận xét  **5. Củng cố và nối tiếp (2 phút)**  - Bài học hôm nay chúng ta biết thêm được điều gì?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý.  - Xem trước bài tiếp theo  - Nhận xét tiết học. Tuyên dương | - HS làm việc nhóm đôi: cùng quan sát và chia sẻ trong nhóm :  + 7cái trống  + 8máy bay  + 9 ô tô  - Các nhóm lần lượt lên chia sẻ  - HS đếm số con mèo và số chấm tròn  - Có 7 cái trống, 7 chấm tròn  - Ta có số 7.  - HS quan sát, một vài học sinh nhắc lại  - Có 8 máy bay, 8 chấm tròn  - Ta có số 8.  - HS quan sát, một vài học sinh nhắc lại  - Có 9 ô tô, 9 chấm tròn  - Ta có số 9.  - HS quan sát, một vài học sinh nhắc lại  - HS làm việc cá nhân lấy 7 que tính rồi đếm : 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7.  - HS làm việc cá nhân lấy 8 que tính rồi đếm : 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8.  - HS làm việc cá nhân lấy 9 que tính rồi đếm : 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.  - HS làm việc cá nhân : nghe tiếng vỗ tay lấy thẻ có ghi số 7  - HS làm việc cá nhân : nghe tiếng vỗ tay lấy thẻ có ghi số 8.  - HS làm việc cá nhân : nghe tiếng vỗ tay lấy thẻ có ghi số 9.  - Học sinh theo dõi và quan sát  - Viết theo hướng dẫn  - HS tập viết số 7  - Học sinh theo dõi và quan sát  - Viết theo hướng dẫn  - HS tập viết số 8  - Học sinh theo dõi và quan sát  - Viết theo hướng dẫn  - HS tập viết số 9  - HS viết cá nhân  - HS lắng nghe  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài  - HS đếm số lượng mỗi loại đồ chơi có trong bài rồi đọc số tương ứng.  - HS thay nhau chỉ vào từng hình nói :  + 8 con gấu. Đặt thẻ số 8  + 7đèn ông sao. Đặt thẻ số 7  + 9 ô tô. Đặt thẻ số 9  + Có 4 tam giác  + Ghi số 4  - HS làm các phần còn lại theo hướng dẫn của giáo viên lấy  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS đếm các khối lập phương rồi đọc số tương ứng.  - HS thi đếm từ 1 đến 9 và đếm từ 9 đến 1  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS quan sát tranh suy nghĩ, nói cho bạn nghe số lượng của quyển sách, cái kéo, bút chì, tẩy có trong hình.  - Các nhóm lần lượt lên chia sẻ  + Có 8hộp quà  + Có 9quả bóng  + Có 7 quyển sách  - HS trả lời |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – LỚp 1G**

**Tên bài học: ơ, d – Tiết 18 + 19**

**Thời gian thực hiện: ngày 18 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

a. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:

- Nhận biết các âm và chữ cái ơ, d ; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có ơ, d với các mô hình “âm đầu + âm chính” ; “âm đầu + âm chính + thanh”.

- Nhìn tranh, ảnh minh họa, phát âm và tự phát hiện được tiếng có âm ơ, âm d

- Biết viết trên bảng con các chữ ơ và d và tiếng cờ, da.

b. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

a. Giáo viên: Tranh ảnh minh họa nội dung bài tập, sách giáo khoa, bộ chữ

b. Học sinh: Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập một, bảng con, sách giáo khoa, bộ chữ

III. CÁC HẠOT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  - Hướng dẫn HS hát vận động tập thể  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (12 phút)**  **Hoạt động 1. Dạy âm ơ, chữ ơ**  - GV trình chiếu lên bảng lá cờ  - Đây là cái gì?  - GV ghi chữ **cờ**  - GV nhận xét  **\* Phân tích**  - GV viết bảng mô hình chữ cờ  - GV chỉ tiếng cờ và mô hình tiếng cờ  - GV hỏi: Tiếng cờ gồm những âm nào?  **\* Đánh vần**.  - Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay:  + Chập hai tay vào nhau để trước mặt, phát âm: **cờ**  + Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: **cơ**  + Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: **huyền**  + Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: **cờ.**  - GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: **cơ-huyền-cờ**  **Hoạt động 2. Dạy âm d, chữ d**  - GV trình chiếu lên bảng lá cờ  - Đây là cái gì?  - GV ghi chữ da  - GV nhận xét  \* Phân tích  - GV viết bảng mô hình chữ **da**  - GV chỉ tiếng **da** và mô hình tiếng da  - GV hỏi: Tiếng **da** gồm những âm nào?  **\* Đánh vần.**  - Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay:  + Chập hai tay vào nhau để trước mặt, phát âm: da  + Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: **d**  + Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: **a**  + Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: **da**.  - GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: **d-a-da**  **\* Củng cố:**  - Các em vừa học hai chữ mới là chữ gì?  - Các em vừa học tiếng mới là tiếng gì?  - GV chỉ mô hình tiếng **cờ, da**  **3. Hoạt động luyện tập (20 phút)**  **3.1. Mở rộng vốn từ. (BT2: Tiếng nào có âm ơ.**  **a. Xác định yêu cầu.**  - GV nêu yêu cầu của bài tập : Các em nhìn vào SGK trang 16 (GV giơ sách mở trang 16 cho HS quan sát) rồi nói to tiếng có âm **ơ**. Nói thầm (nói khẽ) tiếng không có âm **ơ**.  **b. Nói tên sự vật**  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật.  - GV chỉ từng hình yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật.  - Cho HS làm bài trong vở Bài tập  **c. Tìm tiếng có âm ơ.**  - GV làm mẫu:  + GV chỉ hình **nơ** gọi học sinh nói tên sự vật.  + GV chỉ hình **xe** gọi học sinh nói tên con vật.  \* Trường hợp học sinh không phát hiện ra tiếng có âm **ơ** thì GV phát âm thật chậm, kéo dài để giúp HS phát hiện ra.  **3.2. Mở rộng vốn từ. (Bài tập 3: Tìm tiếng có âm d)**  **a. Xác định yêu cầu của bài tập**  - GV nêu yêu cầu bài tập: Vừa nói to tiếng có âm **d** vừa vỗ tay. Nói thầm tiếng không có âm **d**.  **b. Nói tên sự vật.**  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời 1 học sinh nói tên từng sự vật.  - GV chỉ từng hình yêu cầu cả lớp nhắc tên tên từng sự vật.  - Cho HS làm bài trong vở Bài tập  **c. Báo cáo kết quả.**  - GV chỉ từng hình mời học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi.  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả  **\* Củng cố:**  + Các em vừa học 2 chữ mới là chữ gì?  + Các em vừa học 2 tiếng mới là tiếng gì?  - Yêu cầu HS ghép tiếng **cờ, da**  - GV cùng HS nhận xét. | - HS tham gia  - HS quan sát  - HS : Đây là lá cờ  - HS nhận biết **c, ơ**, dấu huyền = **cờ**  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: **cờ**  - Theo dõi  - HS trả lời nối tiếp: Tiếng cờ gồm có âm **c** đứng trước và âm **ơ** đứng sau; có thanh huyền đặt trên âm **ơ**.  - Quan sát và cùng làm với GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV theo từng tổ.  - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: **cơ-huyền-cờ**  - Cả lớp đánh vần: **cơ-huyền-cờ**  - HS quan sát  - HS : Đây là cặp da  - HS nhận biết d, d = da  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp:da  - Theo dõi  - HS trả lời nối tiếp: Tiếng da gồm có âm **d** đứng trướcvà âm **a** đứng sau.  - Quan sát và cùng làm với GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV theo từng tổ.  - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: d-a-da  - Cả lớp đánh vần: d-a-da  - Chữ **ơ** và chữ **d**  - Tiếng **cờ, da**  - HS đánh vần, đọc trơn: **cơ-huyền-cờ; d-a-da**.  - Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 16.  - HS lần lượt nói tên từng con vật: **nơ, chợ, rổ, phở, mơ, xe.**  - HS nói đồng thanh  - HS làm cá nhân nối ơ với từng hình chứa tiếng có âm **ơ** trong vở bài tập.  - HS nói to **nơ** (vì tiếng **nơ** có âm **ơ**)  - HS nói thầm **xe** (vì tiếng **xe** không có âm **ơ**)  - HS theo dõi  - HS lần lượt nói tên từng con vật: **dê, dế, khỉ, dâu, dừa, táo.**  - HS nói đồng thanh (nói to, nói nhỏ)  - HS làm cá nhân nối d với từng hình chứa tiếng có âm **d** trong vở bài tập  - HS báo cáo cá nhân  - Chữ **ơ** và chữ **d**  - Tiếng **cờ, da**  - HS ghép bảng cài tiếng **cờ, da** |
| **Tiết 2** | |
| **3.3. Tập đọc (15 phút)**  **a. Luyện đọc từ ngữ.**  - GV trình chiếu hình ảnh của bài Tập đọc.  - GV hướng dẫn học sinh đọc từ dưới nỗi hình:  + Hình trong bài là da của cá da trơn.  **b. Giáo viên đọc mẫu:**  - GV đọc mẫu 1 lần: **cờ, cá cờ, da cá, cổ cò**.  **c. Thi đọc cả bài.**  - GV cùng học sinh nhận xét  \* GV cho HS đọc lại những gì vừa học ở bài 6 (dưới chân trang 16).  **3.4. Tập viết (Bảng con – BT 5) ( 15 phút)**  **a. Viết : ơ, d**  - Làm mẫu.  **b. Viết cờ, da**  - GV treo bảng chữ: **cờ, da**  - Mời HS đọc  + GV yêu cầu học sinh nêu cách viết tiếng **cờ.**  - GV yêu cầu học sinh nêu cách viết tiếng **da**.  **c. Thực hành viết**  - Cho HS viết trên khoảng không  - Cho HS viết bảng con  - Cho học sinh viết **da**  **4.Củng cố và nối tiếp (5 phút)**  - Hôm nay học được âm gì? Tiếng gì mới?  - Về nhà đọc lại bài và chuẩn bị bài sau: **đ, e**  - Nhận xét tuyên dương | - HS đánh vần (hoặc đọc trơn)  - HS đọc (cá nhân – lớp)  - HS nghe  - Từng cặp lên thi đọc cả bài  \* Cả lớp nhìn SGK đọc cả 4 chữ vừa học trong tuần: **o, ô, ơ, d.**  - HS theo dõi  - HS đọc (cá nhân- rổ): **cờ, da**  + Tiếng **cờ:** viết chữ c trước chữ **ơ** sau, dấu **huyền** viết trên đầu chữ **ơ**, chú ý nối giữa chữ **c** với chữ **ơ**.  + Tiếng **da**: viết chữ d trước chữ **a** sau, chú ý nối giữa chữ **d** với chữ **d**.  - HS viết chữ **ơ, d** lên khoảng không trước mặt bằng ngón tay trỏ.  - HS viết bài cá nhân trên bảng con chữ **ơ, d** từ 2-3 lần.  - HS viết bài cá nhân trên bảng chữ **da** từ 2-3 lần  - HS trả lời  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**HĐTN – Lớp 1G**

**Tên bài học: Hoạt động giáo dục theo chủ đề LÀM QUEN VỚI BẠN MỚI – Tiết 5**

**Thời gian thực hiện: ngày 18 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Nhanh chóng làm quen được với các bạn học mới ở lớp 1 và ở trường tiểu học.

- Biết trò chuyện, trao đổi với các bạn cùng lớp về cảm xúc của bản thân mình.

- Phấn khởi, mạnh dạn, tự tin khi làm quen, trò chuyện cùng các bạn trong lớp.

\* Góp phần hình thành và phát triển cho HS

\* Tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh tiểu học: Làm quen được với bạn mới, thể hiện sự thân thiện với bạn bè, thầy cô.

**a. Phẩm chất:**

- Nhân ái: biết yêu thương và tôn trọng bạn.

- Trung thực: HS thật thà, không nói sai về bạn.

**b. Năng lực:**

Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự tin, thân thiện, cởi mở trong giao tiếp với bạn.

- Giao tiếp và hợp tác: Biết cách kết bạn và giữ gìn tình bạn; biết dùng những từ ngữ đẹp và thích hợp khi nói về bạn.

Năng lực đặc thù:

- Năng lực thích ứng với cuộc sống:

+ Thể hiện được sự tự tin trước đông người.

+ Giới thiệu được một vài đặc điểm về bản thân.

+ Kể được các bước làm quen với bạn mới.

+ Làm quen được nhiều bạn mới.

- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động:

+ Biết tìm sự hỗ trợ từ bạn, GV.

+ Tham gia tích cực vào hoạt động nhóm.

\* Tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh tiểu học: Làm quen

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên:

- Tranh ảnh về khung cảnh buổi gặp gỡ của HS lớp 1 với các HS trong trường

tiểu học.

- Những bông hoa và những món quà nhỏ phục vụ cho các hoạt động 1 và 2.

- Lựa chọn một số bài hát phù hợp với HS lớp 1

- SGK Hoạt động trải nghiệm 1.

- Vở thực hành Hoạt động trải nghiệm 1.

b. Học sinh: SGK Hoạt động trải nghiệm 1, vở thực hành Hoạt động trải nghiệm 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (3 phút)**  - Ổn định:  - Giới thiệu bài:  + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu và làm quen với quang cảnh và các hoạt động của nhà trường tiểu học. | - Hát  - Lắng nghe |
| **2. Hình thành kiến thức mới (12 phút)**  **CHIA SẺ VÀ KHÁM PHÁ**  **\*Mục tiêu:**  - Biết giới thiệu về bản thân.  - Có kỹ năng làm quen với bạn mới.  - Giúp HS làm quen, tìm hiểu về nhau và gắn kết mối quan hệ bạn bè trong lớp học.  **\* Cách tiến hành** |  |
| **Hoạt động 1. Giới thiệu và làm quen**  - GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động “ Giới thiệu và làm quen” ở ngay tại sân trường:  - GV cho HS tập hợp tại sân trường.  - GV làm mẫu : cầm 1 bông hoa giới thiệu về mình (họ và tên, tuổi, sở thích, thói quen).  - GV mời lớp trưởng tự giới thiệu về bản thân mình rồi tặng hoa cho bạn khác.  - GV cho trò chơi tiếp diễn cho đến khi hết lượt HS trong lớp.  - GV gọi bất kì một HS nào đó và yêu cầu em nói tên bạn bên cạnh hoặc tên bạn lớp trưởng hay tên cô giáo.  **\*GV kết luận:**  - Trong lớp có nhiều bạn với những đặc điểm, tính cách, sở thích khác nhau. Việc tìm hiểu về cô giáo và các bạn trong cả lớp qua các hoạt động tự giới thiệu và nhận diện nhau giúp HS tự tin trước tập thể lớp, bước đầu tạo những gắn kết trong mối quan hệ bạn bè. | - HS đứng thành vòng tròn.  - HS theo dõi.  - Lớp trưởng thực hiện giới thiệu về bản thân mình.  - Các thành viên trong lớp lần lượt lên giới thiệu về bản thân.  - HS trả lời  - Theo dõi, lắng nghe |
| **3. Luyện tập, thực hành ( 18 phút)**  **Mục tiêu:**  - Biết trò chuyện, trao đổi với các bạn cùng lớp về cảm xúc của bản thân mình.  - Phấn khởi, mạnh dạn, tự tin khi làm quen, trò chuyện cùng các bạn trong lớp. | |
| **Hoạt động 2: Tìm bạn cùng sở thích.**  **Mục tiêu:**  - Giúp HS biết cách chia sẻ, thể hiện sở thích của bản thân để kết bạn cùng sở thích  \* Tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh tiểu học: Làm quen được với bạn mới, thể hiện sự thân thiện với bạn bè, thầy cô.  **Cách tiến hành** | |
| - GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động “Tìm bạn cùng sở thích” như sau:  - GV chia nhóm HS cùng nhau đứng ở một góc sân trường để thực hiện hoạt động.  - GV hỏi để tìm đại diện một vài em với các sở thích khác nhau.  - GV nêu hiệu lệnh “Hãy về với bạn cùng sở thích với mình”.  - GV quan sát hoạt động của HS, giúp đỡ những HS còn đang lúng túng chưa biết chọn nhóm bạn nào.  - GV cho HS trong nhóm chia sẻ những cảm nhận của mình.  - GV cho đại diện các nhóm lên chia sẻ.  - GV cùng HS nhận xét nhóm bạn.  **\* Kết luận:**  HS bước đầu biết thể hiện sở thích của mình khi tham gia vào các hoạt động này và tìm được những người bạn có sở thích giống mình để cùng chia sẻ.  **4. Củng cố và nối tiếp: (2 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà chia sẻ với người thân về cảnh quan và cảm nhận của mình về người bạn mới. | - Làm việc theo nhóm  - HS chia sẻ sở thích : thích hát, thích múa, thích đá bóng, thích nhảy dây.  - HS tự động di chuyển về phía bạn có cùng sở thích.  - HS trình bày những cảm nhận của cá nhân các em với bạn trong nhóm.  - Đại diện các nhóm lần lượt lên chia sẻ trước lớp.  - HS nhận xét nhóm bạn  - Lắng nghe.  - Lắng nghe để thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1G**

**Tên bài học: đ, e – Tiết 20 + 21**

**Thời gian thực hiện: ngày 19 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**a. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

- Nhận biết các âm và chữ cái **đ, e** ; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **đ, e** với các mô hình “âm đầu + âm chính + thanh”.

- Nhìn tranh, ảnh minh họa, phát âm và tự phát hiện được tiếng có âm **đ**, âm **e**

- Biết viết trên bảng con các chữ **đ** và **e** và tiếng **đe**.

**b. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Tranh ảnh minh họa nội dung bài tập, sách giáo khoa, bộ chữ

b. Học sinh: Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập một, bảng con, sách giáo khoa, bộ chữ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| **1. Hoạt động mở đầu (5 phút)**  - Hướng dẫn HS hát vận động tập thể  **2. Hoạt động hình thành kiến thức (15 phút)**  **\* Dạy âm đ, e**  - GV đưa lên bảng cái **đe**  - Đây là cái gì?  - GV chỉ tiếng **đe**  - GV nhận xét  **\* Phân tích**  - Giáo viên trình chiếu hình ảnh cái **đe** của thợ rèn.  + Đây là cái gì?  - GV giới thiệu: Đây là cái đe của thợ rèn, thường thấy ở làng quê ngày xưa.  - GV viết bảng chữ **đe** và mô hình chữ **đe**  - GV chỉ tiếng **đe** và mô hình tiếng **đe**  **\* Đánh vần.**  - Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay:  **\* Củng cố:**  - Các em vừa học hai chữ mới là chữ gì?  - Các em vừa học tiếng mới là tiếng gì?  - GV chỉ mô hình tiếng **đe**  **3. Hoạt động luyện tập (15 phút)**  **3.1. Mở rộng vốn từ. (BT2: Tiếng nào có âm đ (đờ)**  **a. Xác định yêu cầu**.  - GV nêu yêu cầu của bài tập  **b. Nói tên sự vật**  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật.  - Cho HS làm bài trong vở Bài tập  **c. Tìm tiếng có âm đ (đờ).**  - GV làm mẫu:  + GV chỉ hình đèn gọi học sinh nói tên sự vật.  + GV chỉ hình ngỗng gọi học sinh nói tên con vật.  \* Trường hợp học sinh không phát hiện ra tiếng có âm đ thì GV phát âm thật chậm, kéo dài để giúp HS phát hiện ra.  - GV chỉ từng hình yêu cầu học sinh nói.  - GV đố học sinh tìm 3 tiếng có âm **đ** (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh)  **3.2. Mở rộng vốn từ.**  **Bài tập 3: Tìm tiếng có âm e**  **a. Xác định yêu cầu của bài tập**  - GV nêu yêu cầu bài tập  **b. Nói tên sự vật.**  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời 1 học sinh nói tên từng sự vật.  - GV chỉ từng hình yêu cầu cả lớp nhắc tên tên từng sự vật.  - Cho HS làm bài trong vở Bài tập  **c. Báo cáo kết quả.**  - GV chỉ từng hình mời học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi.  - GV chỉ từng hình yêu cầu học sinh nói.  - GV đố học sinh tìm 3 tiếng có âm đ (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh) | - HS quan sát  - HS : Đây là cái **đe**  - HS nhận biết **đ, e**  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: **đe**  - HS quan sát  + HS trả lời (nếu trả lời được)  - Lắng nghe.  - Theo dõi  - HS trả lời nối tiếp: Tiếng đe gồm có âm **đ** và âm **e**. Âm **đ** đứng trước và âm **e** đứng sau.  - Quan sát và cùng làm với GV  - Chữ **đ** và chữ **e**  - Tiếng **đe**  - HS đánh vần, đọc trơn: **đờ-e-đe, đe**  - Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 18.  - HS trả lời  - HS làm cá nhân nối đ với từng hình chứa tiếng có âm đ trong vở bài tập.  - HS nói to đèn (vì tiếng đèn có âm đ)  - HS nói thầm ngỗng (vì tiếng ngỗng không có âm **đ**)  - HS cả lớp đồng thanh nói to tiếng có âm **đ**, nói thầm tiếng không có âm **đ**.  - HS nói **(đo, đồ, đào, đánh,...)**  - HS theo dõi  - HS lần lượt nói tên từng con vật: **ve, me, sẻ, xe, dứa, tre**  - HS nói đồng thanh (nói to, nói nhỏ)  - HS làm cá nhân nối **e** với từng hình chứa tiếng có âm **e** trong vở bài tập  - HS báo cáo cá nhân  - HS cả lớp đồng thanh nói to tiếng có âm **e**, nói thầm tiếng không có âm **e.**  - HS nói (**bé, chè, vẽ...)** |
| **Tiết 2** | |
| **3.3. Tập đọc (15 phút)**  **a. Luyện đọc từ ngữ.**  - GV hướng dẫn học sinh đọc từ dưới nỗi hình:  + GV ghi chữ dưới hình 1  + Giải nghĩa từ đa.  - GV chỉ hình theo các thứ tự đảo lộn  **b. Giáo viên đọc mẫu:**  - GV đọc mẫu 1 lần: **đa, đò, đố, đổ, dẻ**  **c. Thi đọc cả bài.**  - GV tổ chức cho học sinh thi đọc.  - GV cùng học sinh nhận xét  \* GV cho HS đọc lại những gì vừa học ở bài 7(dưới chân trang 18).  **3.4. Tập viết (Bảng con – BT 5) (15 phút)**  **a. Viết : đ, e, đe**  \* Làm mẫu.  - GV giới thiệu mẫu chữ viết thường **đ, e** cỡ vừa.  - GV chỉ bảng chữ **đ, e**  - GV vừa viết mẫu từng chữ và tiếng trên khung ô li phóng to trên bảng vừa hướng dẫn quy trình viết.  **c. Thực hành viết**  - Cho HS viết trên khoảng không  - Cho HS viết bảng con  - Cho học sinh viết **đe**  **4.Củng cố và nối tiếp (5 phút)**  - Hôm nay học được âm gì?, tiếng gì mới?  Phối hợp với phụ huynh hướng dẫn HS hoàn thành bài tập mở rộng vốn từ ở nhà.  - Nhận xét tuyên dương | - HS đánh vần (hoặc đọc trơn)  - HS đọc (cá nhân – lớp): **đờ - a - đa**  - HS đọc cá nhân  - HS nghe  - HS thi đọc  \* Cả lớp nhìn SGK đọc cả 6 chữ vừa học trong tuần: **o, ô, ơ, d, đ, e.**  - HS theo dõi  - HS đọc  - HS theo dõi  - HS thực hiện  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1G**

**Tên bài học: Tập viết sau bài 6,7 – Tiết 22**

**Thời gian thực hiện: ngày 19 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

a. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:

- Tô, viết đúng các chữ ơ, d, đ, e, các tiếng cờ, da, đe – chữ thường cỡ vừa đúng kiểu đều nét, đưa bút đúng quy trình viết, dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ theo mẫu chữ trong vở Luyện viết 1, tập một.

- Tô viết đúng các chữ số: 0, 1.

b. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài

b. Học sinh: Bảng con, phấn, bút dạ để học sinh làm bài tập 6 (tập viết).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  - Ổn định:  - GV gọi học đọc các chữ đã học ở bài 6, 7  - GV cho học sinh nhận xét bài đọc  - Giới thiệu bài: Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ tập tô và tập viết các chữ **ơ, d,đ, e**, các tiếng **cờ, da, đe** | - Hát  - 2 HS đọc  - Lắng nghe |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (30 phút)**  **Mục tiêu:** Tô, viết đúng các chữ ơ, d,đ, e, các tiếng cờ, da, đe – chữ thường cỡ vừa đúng kiểu đều nét, đưa bút đúng quy trình viết, dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ theo mẫu  **Cách tiến hành** | |
| **Hoạt động 1: Đọc chữ ơ, d,đ, e, cờ, da, đe, 0, 1**  - GV treo bảng phụ các chữ, tiếng và số cần viết.  - GV yêu cầu học sinh đọc  - GV nhận xét  **Hoạt động 2: Tập tô, tập viết : ơ, cờ, d, da**  - Gọi học sinh đọc **ơ, cờ, d, da**  - Yêu cầu học sinh nói cách viết tiếng **ơ, cờ, d, da.**  - GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ, tiếng vừa hướng dẫn:  + Chữ **ơ**: gồm 1 nét cong kín, thêm 1 nét râu. Quy trình: Bắt đầu viết 1 nét cong kín. Sau đó đặt bút trên ĐK 3 một chút, viết thêm 1 nét râu bên cạnh (phía trên, bên phải) không nhỏ quá hoặc to quá.  + Tiếng **cờ**: **c** viết trước, **ơ** viết sau, thanh huyền đặt trên đầu **ơ**. Chú ý viết **c** sát **ơ.**  + Chữ **d**: cao 4 li. Đặt bút dưới ĐK 3 viết nét cong kín. Từ điểm dừng bút lia bút lên ĐK 5 viết nét móc ngược sát nét cong kín, đến ĐK 2 thì dừng.  + Tiếng **da**: **d** (cao 4 li) viết trước, **a** (cao 2 li) viết sau. Chú ý viết **d** sát **a**.  - GV cho HS làm việc cá nhân tô, viết các chữ **ơ**, **cờ, d, da**  - GV theo dõi, hỗ trợ HS  **b. Tập tô, tập viết : e, đ, đe**  - Gọi học sinh đọc **e, đ, đe**  - Yêu cầu học sinh nói cách viết tiếng **e, đ, đe**  - GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ, tiếng vừa hướng dẫn:  + Chữ **e**: cao 2 li, Đặt bút cao hơn ĐK 1, viết nét cong phải từ dưới lên trên, lượn cong tới ĐK 3 rồi chuyển hướng viết tiếp nét cong trái tạo vòng khuyết ở đầu chữ e sao cho không to quá hoặc nhỏ quá. Dừng bút ở khoảng giữa ĐK 1 và ĐK 2.  + Chữ **đ**: viết nét 1 và 2 giống chữ d. Từ điểm dừng bút ở nét 2, lia bút lên ĐK 4 viết nét thẳng ngang ngắn (trùng đường kẻ) tạo thành chữ đ.  + Tiếng **da**: viết **đ** (cao 4 li), **e** (cao 2 li) viết sau. Chú ý viết **đ** sát **e**.  - GV cho HS làm việc cá nhân tô, viết các chữ **e, đ, đe**  - GV theo dõi, hỗ trợ HS  **Hoạt động 3. Tập tô, tập viết các chữ số : 0, 1**  - GV vừa viết mẫu lần lượt từng số vừa hướng dẫn:  + Số 0: Cao 4 li, là nét cong kín chiều cao gấp đôi chiều rộng. Cách viết: đặt bút dưới ĐK 5 một chút, viết nét cong kín từ phải sang trái. Dừng bút ở điểm xuất phát.  + Số 1: Cao 4 li. Gồm 2 nét – nét 1 thẳng xiên, nét 2 thẳng đứng. Cách viết: Đặt bút trên ĐK 4, viết nét thẳng xiên đến ĐK 5 thì dừng. Từ điểm dừng bút của nét 1 chuyển hướng bút viết nét thẳng đứng xuống đến ĐK 1 thì dừng.  - GV cho HS làm việc cá nhân tô, viết các chữ 0, 1  - GV theo dõi, hỗ trợ HS  **3. Củng cố và nối tiếp (2 phút):**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà cùng người thân viết lại các chữ và số hôm nay vừa viết, xem trước | - HS quan sát  - HS đọc (Tập thể-nhóm-cá nhân) các chữ, tiếng và số  - 2 HS đọc  - 2 HS nói cách viết  + Tiếng cờ : chữ **c** (cao 2 li) viết trước, chữ **ơ** (cao 2 li) viết sau, thanh huyền đặt trên đầu con chữ **ơ**;  + Tiếng **da**: chữ **d** (cao 4 li) viết trước, chữ **a** (cao 2 li) viết sau.  - HS theo dõi, viết lên không trung theo hướng dẫn của GV.  - HS tô, viết vào vở Luyện viết 1  - 2 HS đọc  - 3 HS nói cách viết:  + Chữ **e**  + Chữ **đ**  + Tiếng **đe**: chữ **đ** (cao 4 li) viết trước, chữ **e** (cao 2 li) viết sau.  - HS tô, viết vào vở Luyện viết 1  - HS theo dõi, viết lên không trung theo hướng dẫn của GV.  - HS tô, viết vào vở Luyện viết 1  - Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Toán – Lớp 1G**

**Tên bài học: Số 0 – Tiết 6**

**Thời gian thực hiện: ngày 19 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Bước đầu hiểu ý nghĩa của số 0.

- Đọc, viết số 0.

- Nhận biết vị trí số 0 trong dãy các số từ 0 – 9.

- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ. Thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

- Thông qua các hoạt động quan sát tranh, đếm số lượng, nhận biết số 0 trong các tình huống thực tiễn, học sinh có cơ hội được phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học.

-Thông qua việc sử dụng số 0 để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn các ví dụ về số 0 trong thực tiễn, học sinh có cơ hội được phát triển năng lực mô hình hóa toán học, năng lực giao tiếp toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Tranh tình huống, các thẻ số từ 0 – 9.

b. Học sinh: Vở, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  - Giáo viên trình chiếu tranh khởi động SGK Toán 1 trang 16.  - Yêu cầu học sinh làm việc nhóm đôi: nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì.  - Giáo viên theo dõi, giúp đỡ các nhóm  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (10 phút)**  **Hoạt động1: Hình thành số 0.**  **\*Quan sát khung kiến thức.**  - GV yêu cầu HS đếm số cá trong mỗi xô và đọc số tương ứng.  - GV yêu cầu học sinh lần lượt lấy ra các thẻ tương ứng với số cá của mỗi bạn mèo.  **\* Quan sát thêm một số tình huống xuất hiện số 0.**  - GV trình chiếu hình ảnh 2 đĩa táo.    - Mỗi đĩa có mấy quả táo?  - Vậy ta có các số nào?  - GV làm tương tự với chiếc lọ có 5 cái kẹo, một chiếc không có cái kẹo nào.  \* Trò chơi: Tập tầm vông, tay không tay có.  - GV giới thiệu trò chơi: Chủ trò dùng một vật nhỏ lén bỏ vào lòng một bàn tay rồi nắm lại và khoanh tay tròn trước ngực. Chủ trò vừa quay vừa đọc: “Tập tầm vông, tay không tay có.Tập tầm vó, tay có tay không. Tay nào có, tay nào không? Tay nào không, tay nào có? Hết câi ai đoán đúng sẽ được thưởng.  - GV cho học sinh chơi thử.  - GV cho HS chơi theo nhóm đôi.  **Hoạt động 2. Viết số 0**  - GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết:    + Số 0 cao 4 li ( 5 đường kẻ ngang). Gồm 1 nét. Nét viết chữ số 0 là nét cong kín (chiều cao gấp đôi chiều rộng).  + Cách viết số 0:  Đặt bút phía dưới đường kẻ 5 một chút, viết nét cong kín (từ phải sang trái). Dừng bút ở điểm xuất phát.  Chú ý: Nét cong kín có chiều cao gấp đôi chiều rộng.  - GV cho học sinh viết bảng con  - GV nhận xét.  **3. Luyện tập thực hành (15 phút)**  **Bài 1.** a) Mỗi rổ có mấy con?  b)Mỗi hộp có mấy chiếc bút?  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc nhóm đôi.  - Gọi HS lên chia sẻ trước lớp.  **Bài 2. Số ?**  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài cá nhân  - GV tổ chức cho học sinh thi đếm 0 - 9 và 9 - 0.  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương  **4. Vận dụng trải nghiệm (5 phút)**  **Bài 3**. Tìm số 0 trên mỗi đồ vật sau.    - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài theo cặp.  - GV yêu cầu học sinh kể tên các đồ vật có số 0 mà em biết xung quanh mình.  - Người ta dùng số 0 trong các tình huống trên để biểu diễn điều gì?  - GV cùng HS nhận xét.  **5. Củng cố và nối tiếp (2 phút)**  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?  - Số 0 giống hình gì?  - Về nhà em cùng người thân tìm thêm các ví dụ có số 0 trong cuộc sống để hôm sau chia sẻ với các bạn.  - Nhận xét tiết học. Tuyên dương | - HS quan sát tranh trên màn hình.  - HS đếm số cá trong xô của mỗi bạn mèo và nói số cá của mỗi bạn:  + Bạn mèo thứ nhất có 3 con cá.  + Bạn mèo thứ hai có 2 con cá.  + Bạn mèo thứ ba có 1 con cá.  + Bạn mèo thứ tư có không có con cá nào.  - HS đếm và trả lời :  + Xô màu xanh nước biển có 3 con cá. Ta có số 3.  + Xô màu hồng có 2 con cá. Ta có số 2.  + Xô màu xanh lá cây có 1 con cá. Ta có số 1.  + Xô màu cam không có con cá nào. Ta có số 0.  - HS lần lượt lấy các tấm thẻ số 3, 2, 1, 0  - HS quan sát.  - Đĩa thứ nhất có 3 quả táo, đĩa thứ hai không có quả nào.  - Ta có số 3 và số 0.  - HS xác định số 5 và số 0  - Lắng nghe.  - HS chơi thử 1 lần  - HS chơi trò chơi trong 3 phút.  - Viết theo hướng dẫn  - HS tập viết số 0  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài  - HS đếm số con chó bông có trong mỗi rổ đọc số tương ứng cho bạn :  a) 2, 1, 3, 0 con.  b) 5, 4, 0, 2 cái bút chì.  - Đại diện một vài nhóm lên chia sẻ.  - HS đánh giá sự chia sẻ của các nhóm.  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS tìm quy luật rồi điền các số còn thiếu vào ô trống.  - HS thi đếm từ 0 đến 9 và đếm từ 9 đến 0.  - 2 - 3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS tìm số 0 ở các đồ vật trong bài 3 rồi nói cho bạn nghe rồi đổi vai.  - HS kể :số 0 trên quạt điện, số 0 trên máy tính, số 0 trong bộ đồ dùng học toán.  - Biểu diễn không có gì ở đó  - HS trả lời  - HS thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**TNXH – Lớp 1G**

**Tên bài học: Bài 2. Ngôi nhà của em – Tiết 4**

**Thời gian thực hiện: ngày 19 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

a. Năng lực đặc thù

\* Về nhận thức khoa học:

- Nói được địa chỉ nhà ở của mình.

- Nêu được một số đặc điểm về nhà ở và quang cảnh xung quanh nhà ở.

\* Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:

- Đặt được các câu hỏi tìm hiểu về 1 số đồ dùng trong gia đình.

\* Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:

- Làm được một số việc phù hợp để giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp.

b. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự mang theo tranh ảnh ngôi nhà của mình để giới thiệu cùng bạn.HS tự làm được một số việc phù hợp để giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Khả năng sắp xếp nhà ở mát mắt,.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Lắng nghe, chia sẻ và trình bày ý kiến.

c. Phẩm chất:

- Nhân ái: Các em yêu thích ngôi nhà của mình.

- Trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ, giữ gìn ngôi nhà của mình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Các hình trong SGK; VBT TN & XH; video/nhạc bài hát về ngôi nhà; giấy, bút màu; tranh ảnh đồ dùng gia đình; phiếu tự đánh giá

b. Học sinh: SGK và VBT Tự nhiên và Xã hội 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

**Giới thiệu nhà của em**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động (3 phút)**  - Ổn định: GV cho HS nghe và hát theo lời một bài hát về ngôi nhà : Ngôi nhà của tôi.  - Cho HS nói cho nhau nghe về địa chỉ nhà của mình.  - Giới thiệu bài: Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Như lời bài hát, trong lớp chúng ta ai cũng có một ngôi nhà rất gần gũi, yêu thương. Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về nhà ở và xung quanh nhà ở, cùng chia sẻ về ngôi nhà của mình và cần phải làm gì để giữ nhà cửa gọn gàng ngăn nắp. | - Hát  - HS chia sẻ theo nhóm  - Lắng nghe |
| **2. Hình thành kiến thức mới . (10 phút)**  **KHÁM PHÁ**  **Mục tiêu:** Nêu được một số đặc điểm của ngôi nhà hoặc căn hộ nơi gia đình đang ở, các phòng trong ngôi nhà hoặc căn hộ và một số đặc điểm xung quanh nơi ở.. | |
| **Hoạt động 1. Tìm hiểu 1 số dạng nhà ở.**  **\* Mục tiêu:**  - Nêu được một số đặc điểm về nhà ở và quang cảnh xung quanh nhà ở.  - Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về 1 số dạng nhà ở.  **\* Cách tiến hành:** | |
| Bước 1. Làm việc theo cặp.  - GV chiếu 5 bức tranh ở trang 12, 13 (SGK).    - Yêu cầu học sinh quan sát và trả lời các câu hỏi:  + Nói 1 số đặc điểm về nhà ở và quang cảnh xung quanh nhà ở trong từng hình.  + Nhà bạn gần giống nhà nào trong các hình này.  **Bước 2. Làm việc cả lớp**  - GV cho từng nhóm báo cáo kết quả làm việc của mình.  - GV cùng HS nhận xét  \* GV kết luận hoàn thiện các câu trả lời. | - HS quan sát.  - HS làm việc trao đổi chia sẻ với nhau.  H1: Nhà 1 tầng, có vườn, có bếp riêng  H2: Nhà 2,3 tầng liền kề  H3: Nhà nổi, xung quanh là nước.  H4. Nhà sàn  H5: Nhà chung cư  - Đại diện một số cặp lên trình bày kết quả trước lớp.  - HS nhận xét nhóm bạn |
| **3. Luyện tập,thực hành ( 20 phút)**  **Mục tiêu:**  - Nêu được một số đặc điểm của ngôi nhà hoặc căn hộ nơi gia đình đang ở, các phòng trong ngôi nhà hoặc căn hộ và một số đặc điểm xung quanh nơi ở.  - Đặt được các câu hỏi đơn giản về nhà ở và quang cảnh xung quanh nhà ở.  **Cách tiến hành** | |
| **Hoạt động 2. Giới thiệu về nhà ở và quang cảnh xung quanh nhà ở.**  Bước 1. Làm việc theo cặp.  - Y/C các thành viên trong cặp giới thiệu cho nhau nghe về nhà ở và quang cảnh xung quanh nhà ở của mình.  - GV HD các nhóm làm việc: 1 bạn hỏi một bạn trả lời về gia đình qua các câu hỏi:  + Nhà bạn là nhà một tầng hay nhiều tầng hay căn hộ trong khu tập thể, chung cư...  + Xung quanh nhà bạn có những gì?  Bước 2: Làm việc cá nhân.  - GV yêu cầu học sinh vẽ ngôi nhà của mình.  - GV theo dõi giúp đỡ học sinh.  Bước 3: Làm việc cả lớp  - GV cho HS lên trình bày kết quả làm việc ở bước 1, 2.  - GV kết hợp với HS nhận xét phần giới thiệu  **4. Củng cố và nối tiếp. (2 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà cùng người thân làm công việc nhà | - HS giới thiệu với bạn về nhà ở và quang cảnh xung quanh nhà ở của mình.  - Theo dõi hướng dẫn.  + HS thay nhau hỏi và trả lời  + HS thay nhau hỏi và trả lời.  - HS vẽ và tô màu ngôi nhà của mình vào VBT  - 1 số HS lên trình bày trước lớp:  + Dán tranh vẽ ngôi nhà của mình lên bảng.  + 1 số học sinh giới thiệu trước lớp về nhà ở và cảnh vật xung quanh nhà ở của mình kết hợp chỉ tranh vẽ.  - Nhận xét về phần giới thiệu của các bạn.  - Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1G**

**Tên bài học: Bài 8 Kể chuyện Chồn con đi học – Tiết 23**

**Thời gian thực hiện: ngày 20 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**a. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

- Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi dưới tranh.

- Nhìn tranh, không cần GV hỏi, có thể tự kể từng đoạn của câu chuyện.

- Hiểu lời khuyện của câu chuyện : Trẻ em phải chăm học. Có học mới biết chữ, biết nhiều điều bổ ích.

**b. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu học tập.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Tranh minh họa câu chuyện

b. Học sinh: SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động (5 phút)**  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (12 phút)**  **1.1. Quan sát và phỏng đoán**  - GV chiếu lên bảng 6 tranh minh họa.  - GV giới thiệu tên truyện: Chồn con đi học.  - Các em xem tranh và nói tên các con vật trong tranh.  - GV hãy thử đoán nội dung truyện.  - GV hướng dẫn HS : Để đoán đúng các em xem tranh 1, Chồn con làm gì? Ở tranh 2, Nhím con đi học, Chồn có đi học không? Ở tranh 6, Chồn làm gì?  **1.2. Giới thiệu truyện.**  - GV giới thiệu : chuyện kể về một chú Chồn lúc đầu rất lười học, chỉ thích rong chơi, nhưng về sau đã thay đồi. Vì sao Chồn lại thay đổi như vậy? Các em hãy lắng nghe câu chuyện.  - GV bật đoạn clip kể chuyện Chồn con đi học trong phần học liệu  Khám phá và luyện tập (15 phút)  **2.1.Trả lời câu hỏi theo tranh**  + GV chỉ tranh 1, hỏi: Vì sao Chồn con không tới trường?  + GV chỉ tranh 2, hỏi:Vì sao các bạn không ai đi chơi với Chồn con?  +Tranh 3: Chồn con bị lạc trong rừng, vì sao?  + GV chỉ tranh 4, hỏi: + Vì sao Chồn con không tìm được đường về?  + Khi đó, Chồn vừa sợ vừa hối hận về điều gì?  + Tranh 5, hỏi: Ai đã đưa Chồn con về nhà?  + GV chỉ tranh 6, hỏi: Sau chuyện đó, Chồn con đã thay đổi như thế nào?  - GV chỉ tranh 1, 2 cho học sinh trả lời các câu hỏi theo 2 tranh (Nội dung như trên).  - Tiếp tục cho HS trả lời câu hỏi với các cặp tranh còn lại.  - GV cho HS trả lời cả 6 câu hỏi theo 6 tranh.  **2.2. Kể chuyện theo tranh.**  \* GV yêu cầu mỗi HS chọn 2 tranh và tự kể chuyện theo 2 tranh đó.  - GV gọi HS lên kể trước lớp.  - GV cùng HS nhận xét bạn kể  **\* Trò chơi: Ô cửa sổ.**  - GV chiểu lên bảng các ô cửa sổ (6 ô cửa sổ)  - GV mở cửa sổ để hiện ra hình minh họa đoạn chuyện.  - GV cho HS chơi trò chơi trong thời gian 5-7 phút.  - GV mở cả 6 tranh yêu cầu HS kể lại toàn bộ câu chuyện.  \* GV cất tranh mời HS kể lại câu chuyện.  **2.3. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**  - Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?  \* GV kết luận: Câu chuyện khuyên các em phải chăm chỉ học hành, có học thì mới biết chữ, biết nhiều điều bổ ích.Không viết chữ sẽ rất tai hại, có thể gặp nguy hiểm như chú chồn con trong câu chuyện này.  - GV cùng cả lớp bình chọn bạn kể chuyện hay.  **3. Củng cố và nối tiếp (5 phút)**  Về nhà kể lại chuyện cho ông bà bố mẹ nghe. Gửi video Phối hợp với phụ huynh hướng dẫn HS học ở nhà.  Nhận xét tiết học. | - HS quan sát  - HS lắng nghe  - HS quan sát chia sẻ theo cặp  - HS đoán nội dung: Chồn ham chơi không đi học. Sau đó nó đã đến trường.  - HS lắng nghe giới thiệu  + HS lắng nghe GV kể  + HS lắng nghe và quan sát tranh  + HS lắng nghe và quan sát tranh  - HS lần lượt trả lời các câu hỏi  - HS trả lời  - HS trả lời  - 1 HS trả lời câu hỏi ở cả 6 tranh.  \* HS tự chọn 2 tranh và tập kể theo tranh.  - HS xung phong lên kể cặp tranh mình đã chọn  - HS theo dõi và chọn ô cửa sổ mình thích.  - HS nhìn hình minh họa và kể lại chuyện  - HS xung phong kể  \* HS xung phong lên kể chuyện  - HS trả lời.  - HS lắng nghe.  - HS bình chọn  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1G**

**Tên bài học: Ôn tập – Tiết 24**

**Thời gian thực hiện: ngày 20 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

a. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:

- Biết ghép các âm đã học thành tiếng theo mô hình “âm đầu + âm chính”. Biết thêm các thanh đã học vào mỗi tiếng để tạo tiếng mới.

- Đọc đúng bài tập đọc

- Tìm đúng từ ứng với mỗi hình.

b. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:

- Khơi gợi tình yêu học tập.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Sách giáo khoa, tranh ảnh minh họa nội dung bài tập.

b. Học sinh: Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập một,, sách giáo khoa, vở Luyện viết 1 tập 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  - Tổ chức cho HS hát, múa vận động tập thể  + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ học bài Ôn tập để củng cố lại tất cả các âm và chữ đã học  **2. Luyện tập thực hành (27 phút)**  **\* Bài tập 1.**  a. Ghép các âm đã học thành tiếng.  b. Thêm các thanh đã học vào mỗi tiếng trên để tạo thành tiếng mới.  - GV chiếu lên bảng ghép âm và nêu yêu cầu của bài  - GV chỉ từng chữ (âm đầu) ở cột dọc.  - GV chỉ từng chữ (âm chính) ở hàng ngang.  - GV chỉ chữ  - GV gọi HS đọc các từ vừa ghép  - GV cùng HS nhận xét  \* GV nêu Y/c phần b của bài  - GV HD mẫu: **ca => cà, cả**  - GV yêu cầu 4 HS nối tiếp nhau thêm các thanh đã học vào mỗi tiếng ở dòng 1.  - GV cho HS làm theo nhóm các tiếng còn lại  - Gọi HS đọc các tiếng vừa tạo thành.  **\* Bài tập 2: Tập đọc.**  a. Luyện đọc từ ngữ.  - GV chiếu lên bảng hình ảnh trong bài tập đọc.  - GV chỉ từng chữ trên bảng.  - GV giải nghĩa từ cố đô: Cố đô Huế là kinh đô cũ của Việt Nam.  - GV chỉ từng chữ.  - GV cùng HS nhận xét.  b. Giáo viên đọc mẫu:  - GV đọc mẫu các từ: **Cờ đỏ, cố đô, đồ cổ, đa**.  - GV nhận xét.  c. Thi đọc cả bài.  - GV tổ chức cho HS đọc cả bài.  - GV cho HS lên thi đọc  - GV cùng HS nhận xét  **\* Bài tập 3. Tìm từ ứng với hình**  - GV trình chiếu hình ảnh lên bảng  - GV nêu yêu cầu của bài  - GV chỉ từng từ trên bảng  - GV gọi HS lên bảng gắn từ dưới hình tương ứng.  - GV chỉ hình giải nghĩa từ:  + Cờ có 5 vòng tròn là cờ của Ô-lim-pích tượng trưng cho 5 châu.  + Cọ: cây cùng họ với cau, lá to xòe thường thấy mọc ở vùng trung du.  + Dẻ : là một loại hạt quả to bằng đầu ngón tay màu nâu ăn rất bùi và thơm  - GV cùng HS nhận xét bài chữa trên bảng  **3. Củng cố và nối tiếp (5 phút)**  - Gửi video Phối hợp với phụ huynh hướng dẫn HS học ở nhà  -Về nhà đọc lại bài, chuẩn bị bài sau  - Nhận xét tiết học | - HS tham gia  - Lắng nghe  - Quan sát và nghe yêu cầu của bài.  - HS cả lớp đọc: **c, d, đ**  - HS cả lớp đọc: **a, o, ô, ơ, e**  - Cả lớp đồng thanh ghép từng tiếng theo cột ngang:  - HS đọc cá nhân - nhóm  - HS nhận xét bạn – nhóm bạn  \* 2 HS nhắc lại yêu cầu của bài  - HS đọc tiếng mới vừa được tạo thành.  - HS làm bài  - HS làm việc theo nhóm  - HS đọc đồng thanh – cá nhận  - HS theo dõi  - HS đọc (cá nhân, bàn, tổ)  - HS nghe  - Cả lớp đọc đồng thanh  - HS lắng nghe  - HS đọc (cá nhân, bàn, tổ)  - HS đọc bài (cá nhân, cặp, tổ)  - HS thi đua lên đọc bài tập đọc  - HS quan sát  - 2 HS nhắc lại  - HS đọc (cá nhân, lớp): **dẻ, đá, cọ, cờ**  - HS ở dưới làm bài cá nhân vào vở BT Tiếng Việt: **1-cờ; 2-cọ; 3-dẻ; 4-đá**  - HS cùng GV nhận xét.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**GDTC – Lớp 1G**

**Tên bài học: Bài 4. Ôn tư thế đứng nghiêm, đứng nghỉ, tập hợp hàng dọc, hàng ngang, dóng hàng, dàn hàng, dồn hàng ngang. Trò chơi Ai giơ tay đúng – Tiết 4**

**Thời gian thực hiện: ngày 20 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

1.Về phẩm chất: Bài học góp phần bồi dưỡng cho học sinh các phẩm chất cụ thể:

- Tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể.

- Tích cực tham gia các trò chơi vận động và có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự xem trước các động tác đứng nghiêm, đứng nghỉ , cách tập hợp hàng dọc, dóng hàng, điểm số trong sách giáo khoa.

- Giao tiếp và hợp tác: Biết phân công, hợp tác trong nhóm để thực hiện các động tác và trò chơi.

2.2. Năng lực đặc thù:

- NL chăm sóc SK: Biết thực hiện vệ sinh sân tập, thực hiện vệ sinh cá nhân để đảm bảo an toàn trong tập luyện.

- NL vận động cơ bản: Biết khẩu lệnh và thực hiện được tư thế đứng nghiêm, đứng nghỉ, tập hợp hàng dọc, dóng hàng, điểm số

Biết quan sát tranh, tự khám phá bài và quan sát động tác làm mẫu của giáo viên để tập luyện. Thực hiện được các động tác đứng nghiêm, đứng nghỉ , cách tập hợp hàng dọc, dóng hàng, điểm số.

**II. Địa điểm – phương tiện**

- Địa điểm: Sân trường

- Phương tiện:

+ Giáo viên chuẩn bị: Tranh ảnh, trang phụ thể thao, còi phục vụ trò chơi.

+ Học sinh chuẩn bị: Giày thể thao.

**III. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học**

- Phương pháp dạy học chính: Làm mẫu, sử dụng lời nói, tập luyện, trò chơi và thi đấu.

- Hình thức dạy học chính: Tập luyện đồng loạt( tập thể), tập theo nhóm, tập luyện theo cặp.

**IV. Tiến trình dạy học**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **LV Đ** | **Phương pháp, tổ chức và yêu cầu** | |
|  | **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **I. Phần mở đầu**  Nhận lớp  Khởi động  - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,...  - Trò chơi “ nhảy đúng nhảy nhanh”  **II. Phần cơ bản:**  **Hoạt động 1**  **\* Kiến thức.**  - Ôn dàn hàng ngang  dàn hàng  - Ôn dồn hàng ngang  dồn hàng  \***Luyện tập**  Tập đồng loạt  Tập theo tổ nhóm  Thi đua giữa các tổ  \* Trò chơi “:”Ai giơ tay đúng  **Hoạt động 2**  \***Kiến thức**  Ôn tư thế đứng nghiêm, đứng nghỉ, tập hợp hàng dọc, dóng hàng  \***Luyện tập**  **Hoạt động 3**  \***Kiến thức**  Ôn tư thế đứng nghiêm, đứng nghỉ, tập hợp hàng ngang, dóng hàng  \***Luyện tập**  **III.Kết thúc**  \* Thả lỏng cơ toàn thân.  \* Nhận xét, đánh giá chung của buổi học.  Hướng dẫn HS Tự ôn ở nhà  \* Xuống lớp | 5 – 7’    2 x 8 N  16-18’  2 lần  4 lần  1 lần  3-5’  4- 5’ | Gv nhận lớp, thăm hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học  - Gv HD học sinh khởi động.  - GV hướng dẫn chơi  Cho HS quan sát tranh  Hô khẩu lệnh và thực hiện động tác  GV làm mẫu lại động tác kết hợp phân tích kĩ thuật động tác.  - GV hô - HS tập theo Gv.  - Gv quan sát, sửa sai cho HS.  - Yc Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực.  - GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ.  - GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi.  - Cho HS chơi thử và chơi chính thức.  - Nhận xét tuyên dương và sử phạt người phạm luật  Nhắc lại tư thế đứng nghiêm, đứng nghỉ, tập hợp hàng dọc, dóng hàng  Tổ chức giảng dạy như hoạt động 1  Nhắc lại tư thế đứng nghiêm, đứng nghỉ, tập hợp hàng ngang, dóng hàng  Tổ chức giảng dạy như hoạt động 1  - GV hướng dẫn  - Nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của hs.  - VN ôn bài đã học và chuẩn bị bài sau. | Đội hình nhận lớp  - Cán sự tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp cho GV.    HS quan sát tranh    HS quan sát GV làm mẫu  - Đội hình tập luyện đồng loạt.    ***ĐH tập luyện theo tổ***        GV  - Từng tổ lên thi đua - trình diễn    xxxxxxx  xxxxxxx  HS thực hiện thả lỏng  - ***ĐH kết thúc*** |

**V. Điều chỉnh sau bài dạy**

**HĐTN – Lớp 1G**

**Tên bài học: Sinh hoạt lớp Hát về tình bạn – Tiết 6**

**Thời gian thực hiện: ngày 20 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Tự đánh giá việc thực hiện phong trào “Đôi bạn cùng tiến”.

- Yêu quý, đoàn kết với bạn bè.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1.Khởi động: 2 phút**  - Ổn định: Hát  **2. Các bước sinh hoạt: 30 phút**  ***Hoạt động 1: Nhận xét trong tuần 2***  - GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:  *+Đi học chuyên cần:*  *+ Tác phong , đồng phục .*  *+ Chuẩn bị bài,đồ dùng học tập*  *+ Vệ sinh.*  + GV nhận xét qua 1 tuần học:  *\* Tuyên dương:*  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.  *\* Nhắc nhở:*  - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.  ***Hoạt động 2: Phương hướng tuần 3***  - Thực hiện dạy tuần 2, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.  *-* Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP.  - Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.  ***Hoạt động 3: Hát về tình bạn.***  *a. Nhận xét, đánh giá việc thực hiện phong trào “Đôi bạn cùng tiến” của lớp:*  - GV tổ chức cho HS trao đổi cặp đôi và chia sẻ với nhau về những việc bản thân đã làm được và những mong muốn tiếp tục thực hiện những việc làm đúng để cùng giúp đỡ nhau học tập.  - Gọi các nhóm lên chia sẻ trước lớp.  - Tuyên dương những tấm gương Đôi bạn cùng tiên ở trong lớp.  *b. Tổ chức cho HS hát về tình bạn:*  - GV lựa chọn và chuẩn bị một số video, đĩa nhạc về một số bài hát tình bạn.  Gợi ý: một số bài hát về tình bạn có thể chuẩn bị như: Chào người bạn mới đến (Sáng tác: Lương Bằng Vinh), Tình bạn tuổi thơ (Sáng tác: Kiêu Hồng Phượng, Nguyễn Quốc Việt), Tình bạn (Sáng tác: Yên Lam).  - Tổ chức cho HS thi hát và biểu diễn giữa các tổ, nhóm.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **3. Củng cố và nối tiếp ( 3 phút)**  - Nhắc nhở học sinh nghỉ ngơi, chuẩn bị tuần mới.  Nhận xét tiết học. Tuyên dương | **-** HS hát  - Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần.  + Trưởng ban nề nếp báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban học tập báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng văn nghệ báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban vệ sinh báo cáo kết quả theo dõi  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - HS làm việc theo nhóm đôi  - Lần lượt các nhóm lên chia sẻ  - Lắng nghe.  - Nghe và lựa chọn bài hát  - HS lên trình diễn thi giữa các nhóm |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**